

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

TRẦN THỊ HOÀI THƯƠNG

GIÁO DỤC PHẬT GIÁO VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ
ĐỐI VỚI GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC
THANH NIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY

LUẬN VĂN THẠC SĨ

Chuyên ngành: Triết học

Hà Nội, 2016

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

TRẦN THỊ HOÀI THƯƠNG

**GIÁO DỤC PHẬT GIÁO VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ
ĐỐI VỚI GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC
THANH NIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Triết học

Mã số: 60220301

LUẬN VĂN THẠC SĨ

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Đặng Thị Lan

Hà Nội, 2016

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. GIÁO DỤC PHẬT GIÁO – MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN.....	14
1.1. Giáo dục Phật giáo.....	14
1.1.1. Khái niệm giáo dục Phật giáo	14
1.1.2. Lịch sử giáo dục Phật giáo.....	19
1.2. Mục tiêu, phương pháp giáo dục Phật giáo	22
1.2.1. Mục tiêu giáo dục Phật giáo	22
1.2.2. Phương pháp giáo dục Phật giáo.....	26
1.3. Nội dung cơ bản của giáo dục Phật giáo.....	29
1.3.1. Giáo dục Phật giáo hướng đến hoàn thiện đạo đức cá nhân	29
1.3.2. Xây dựng các mối quan hệ bình đẳng, khoan dung, tôn trọng lẫn nhau trong gia đình, xã hội.	35
1.3.3. Giáo dục đạo đức môi trường.....	38
1.3.4. Giáo dục lối sống lành mạnh, tích cực, hướng đến hạnh phúc, an lạc.....	42
1.4. Giáo dục Phật giáo ở Việt Nam hiện nay	46
Chương 2. Ý NGHĨA CỦA GIÁO DỤC PHẬT GIÁO ĐỐI VỚI GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC THANH NIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY	52
2.1. Giáo dục đạo đức thanh niên Việt Nam hiện nay và những vấn đề đặt ra.....	52
2.1.1. Giáo dục đạo đức thanh niên Việt Nam hiện nay	52
2.1.2. Những vấn đề đặt ra trong giáo dục đạo đức thanh niên Việt Nam ...	58
2.2. Ý nghĩa của giáo dục Phật giáo đối với giáo dục đạo đức thanh niên hiện nay	63
2.2.1. Giáo dục Phật giáo góp phần hình thành ý thức đạo đức tích cực cho thanh niên Việt Nam.	63

<i>2.2.2. Giáo dục Phật giáo góp phần điều chỉnh hành vi đạo đức cho thanh niên Việt Nam hiện nay</i>	71
2.3. Một số khuyến nghị nhằm phát huy những giá trị tích cực của giáo dục Phật giáo đối với việc giáo dục đạo đức thanh niên Việt Nam hiện nay	82
KẾT LUẬN	89
TÀI LIỆU THAM KHẢO	91

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Phật giáo được du nhập vào Việt Nam từ rất sớm và đã trở thành một phần trong đời sống văn hóa tinh thần của dân tộc Việt Nam. Với triết lý từ bi, hỷ xả, cứu khổ, cứu nạn..., Phật giáo đã dễ dàng đi vào lòng người, hướng con người đến lối sống vị tha, bình đẳng, khoan dung. Triết lý Phật giáo phù hợp với tư tưởng, tình cảm, đạo đức, lối sống của con người Việt Nam và đã có những đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Từ khi đổi mới đất nước, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, sự tác động bởi mặt trái nền kinh tế thị trường đã làm xuất hiện nhiều hiện tượng đáng lo ngại về lối sống và đạo đức. Đó là sự xuống cấp trầm trọng của nền đạo đức truyền thống của dân tộc: tệ nạn xã hội gia tăng, lối sống chạy theo đồng tiền và thực dụng trong quan hệ đang chi phối và ảnh hưởng đến nhiều người. Tình trạng tham nhũng, tệ nạn xã hội, vi phạm đạo đức, pháp luật ngày một gia tăng và đang dần làm băng hoại các giá trị cũng như thuần phong mỹ tục của dân tộc. Một bộ phận thanh niên sa vào con đường ăn chơi, hưởng thụ, sống không mục đích, không lý tưởng. “Không ít trường hợp vì đồng tiền và danh dự mà chà đạp lên tình nghĩa gia đình, quan hệ thầy trò, đồng chí, đồng nghiệp. Buôn lậu và tham nhũng phát triển... Ma túy, mại dâm và các tệ nạn khác gia tăng” [20, tr.137].

Đối với nước ta hiện nay, trong sự nghiệp đào tạo con người, việc giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ chiếm một vị trí rất quan trọng. Nó không những chỉ ở mặt chiến lược mà còn nhằm mục tiêu trước mắt là ngăn chặn sự thoái hóa, sa đọa về lối sống, đạo đức trước sự tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường cùng với những mặt tiêu cực của văn hóa ngoại lai. Mục tiêu về công tác giáo dục của Đảng và Nhà nước ta là đào tạo ra những con người có tâm

trí tuệ cao, thể chất cường tráng, đời sống tinh thần và đạo đức trong sáng, giàu bản lĩnh và thực sự có ý thức trách nhiệm công dân. Để đạt được mục tiêu đó thì ngoài các nhiệm vụ khác, chúng ta cũng phải nhìn lại những giá trị đạo đức truyền thống, tìm ra những thành tố nào có thể góp phần cho việc giảng dạy đạo đức trong nhà trường, đi đôi với việc giáo dục đạo đức và lối sống cho toàn xã hội. Đây cũng là một vấn đề cần đặt ra và phải giải quyết cấp bách.

Xuất phát từ nền văn hóa dân tộc: văn hóa là cái hồn của dân tộc, mất văn hóa là mất dân tộc. Chúng ta giữ được nền văn hóa truyền thống của dân tộc là giữ được đất nước. Mặt khác, khi đề cập đến đời sống văn hóa của dân tộc thì không thể bỏ qua một bộ phận cấu thành nó, đó là đạo đức Phật giáo. Từ những ngày đầu của quá trình du nhập vào Việt Nam, Phật giáo đã không ngừng biến đổi nhằm thích nghi với phong tục, tập quán, truyền thống và tâm thức của người dân bản địa. Với bản chất tùy duyên, Phật giáo đã thâm nhập vào đời sống người dân Việt Nam một cách tự nhiên. Vì thế, Phật giáo được xem là một tôn giáo có truyền thống gắn bó với dân tộc ta từ lâu đời và có vai trò quan trọng trong đời sống đạo đức, tâm linh của dân tộc.

Với hệ thống giáo lý mang đậm tính nhân bản, Phật giáo đã để lại những dấu ấn sâu sắc trong đời sống tâm linh, văn hóa, đạo đức của người Việt Nam, đặc biệt là với thế hệ trẻ, họ là một tầng lớp quan trọng trong xã hội, là tương lai của đất nước, là những người đóng góp quan trọng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hiện nay, những hoạt động liên quan đến giáo dục đạo đức Phật giáo phát triển khá mạnh, với sự định hướng của Giáo hội Phật giáo, các chức sắc Phật giáo và các Phật tử, các hoạt động giáo dục Phật giáo cho bộ phận thanh thiếu niên là tu sĩ, thanh thiếu niên Phật tử và thanh thiếu niên nói chung trên cả nước đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Ban đầu, giáo dục

Phật giáo chủ yếu nhằm đến đối tượng là tu sĩ, nhưng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của dân cư thì cho đến nay, nền giáo dục Phật giáo đã mở rộng hơn, bên cạnh các hệ thống giáo dục Phật giáo được đào tạo từ sơ cấp và đại học Phật giáo cho các tu sĩ thì còn có các khóa tu, khóa thiền cho rất nhiều người, điển hình cho giới trẻ. Đặc biệt phải kể đến như việc tổ chức các khóa tu ngắn hạn (một ngày hay một vài ngày, một tuần...) cho thanh niên, sinh viên tại nhiều ngôi chùa trên khắp các địa phương trong cả nước.

Từ những ý nghĩa đó, khi xây dựng một nền văn hóa hiện đại, tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đòi hỏi chúng ta cần phải nghiên cứu những giá trị đạo đức Phật giáo, giáo dục Phật giáo và tác động biện chứng của nó với nền văn hóa, đạo đức của dân tộc, sự đóng góp tích cực của giáo dục Phật giáo đối với giáo dục đạo đức cho thanh niên ở nước ta hiện nay.

Tất cả những khía cạnh trên là cơ sở để tôi lựa chọn cho mình nghiên cứu đề tài: “*Giáo dục Phật giáo và ý nghĩa của nó đối với giáo dục đạo đức thanh niên Việt Nam hiện nay*”.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Đạo Phật là một tôn giáo có quá trình tồn tại cùng dân tộc Việt Nam gần hai nghìn năm. Xét ở nhiều bình diện, Phật giáo đã có những tham gia, đóng góp hữu ích cho sự phát triển của đất nước và dân tộc. Vì thế, từ lâu, Phật giáo và giáo dục Phật giáo, đã trở thành một đối tượng thu hút nhiều nhà nghiên cứu, có rất nhiều các công trình nghiên cứu đa dạng, phong phú. Chúng ta có thể phân loại thành những nhóm công trình sau đây:

2.1. Các công trình nghiên cứu về Phật giáo

* *Các công trình nghiên cứu là sách*

- Cuốn sách: “*Lịch sử Phật giáo*”, từ sách bách khoa Phật giáo do Nguyễn Tuệ Chân biên dịch (Nhà xuất bản Tôn giáo, năm 2008) là một cuốn

sách ngay từ những lời giới thiệu đã nói rõ: đây là cuốn sách cung cấp kiến thức tương đối đầy đủ về lịch sử Phật giáo từ khởi nguyên đến hiện đại thông qua hình thức trình bày là từng vấn đề một, ngắn gọn, dễ đọc và dễ cảm thụ nhất. Quyển sách bao chứa rất nhiều vấn đề nhỏ như: Phật giáo và người sáng lập; Giáo nghĩa cơ bản của Phật giáo; Thích Ca Mâu Ni sáng lập Phật giáo; Những nơi sống chủ yếu của Thích Ca Mâu Ni... và rất nhiều những vấn đề nêu ra và được giải thích rất rõ ràng vì sao như vậy.

- Cuốn sách: “*Đạo đức học Phật giáo*” của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (Nxb Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, năm 1995), là tập sách tập hợp các bài viết của nhiều tác giả, phần lớn các bài viết này đã được phát biểu tại cuộc hội thảo khoa học do Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam tổ chức năm 1993. Tất cả các bài viết đều nêu bật được những nét cơ bản về Đạo đức học Phật giáo. Vì vậy theo các tác giả, việc bảo tồn và phát huy những giá trị của đạo đức Phật giáo góp phần quan trọng vào việc bảo tồn truyền thống văn hóa của dân tộc trong bối cảnh giao lưu văn hóa với các nước khác là rất cần thiết.

- Cuốn sách: “*Phật học phổ thông*” (3 quyển) của Thích Thiện Hoa, Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản. Đây có thể coi là bộ sách giáo khoa tìm hiểu về các giáo lý của Phật giáo. Trong tác phẩm này tác giả đã trình bày Phật giáo theo hướng từ lịch sử Phật giáo, các khái niệm cơ bản đến các giáo lý giáo điều của Phật giáo, từ những giáo lý căn bản như: Ngũ giới, sám hối... đến các giáo lý sâu xa của Phật giáo; điều đó giúp cho người tìm hiểu về Phật giáo có cái nhìn tổng quan về Phật giáo và các giáo lý Phật giáo.

- Cuốn sách: “*Phật giáo với dân tộc*” của Thích Thanh Từ (Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, năm 1992). Trong phần 1 của công trình nghiên cứu này, tác giả đã nêu rõ đạo Phật chung sống với người dân Việt Nam hơn 20 thế kỷ, là sợi dây liên lạc đã thắt chặt đạo Phật với dân tộc Việt Nam thành một khối

bất khả phân ly. Tư tưởng đạo Phật đã thấm nhuần tinh thần dân tộc bởi sự liên hệ mật thiết này, người dân Việt Nam coi đạo Phật là đạo của tổ tiên truyền lại. Từ buổi đầu dựng nước đến cuối thời Trần, các thiền sư Phật giáo đã có sự đóng góp quan trọng trong công cuộc cứu quốc và xây dựng đời sống chính trị, văn hóa... Trong phần 2 của cuốn sách, tác giả đã lược qua một số giáo lý như: Luân hồi, Vô ngã, Giải thoát trong đạo Phật để nêu bật luân lý trong Phật giáo là lấy giải thoát làm mục đích, tức là biết quý trọng tự do của con người, con người tự do là con người sống trong đất nước có tự do, đất nước có văn minh, quốc gia tiến bộ và con người không bị ràng buộc bởi hận thù, tù tội...

- Cuốn sách: *“Đạo Phật vì cuộc sống con người”* của Đại trưởng lão - Tiên sĩ K.Sri Dhammananda (Huyền Cương, Lê Trọng Cường dịch), Nxb Tôn giáo, 2001. Đây là cuốn sách nói về các phương pháp sống theo tinh thần đạo Phật, cuốn sách được tác giả trình bày thành những vấn đề nhỏ trên cơ sở 4 nội dung: Những nguyên tắc ứng xử Phật giáo vì phẩm cách con người; Tại sao có đạo Phật, mục đích cuộc sống và phẩm cách con người; Cuộc sống mong manh cái chết là chắc chắn. Những vấn đề trong cuốn sách được tác giả đề cập đến giúp người đọc có cái nhìn cụ thể về các vấn đề nhân sinh quan, thế giới quan trên tinh thần Phật giáo: bản chất cuộc đời con người, thú vui và hạnh phúc.

** Các bài viết trên các tạp chí chuyên ngành*

Tạ Chí Hồng với bài *“Quan niệm hạnh phúc của Phật giáo”* (Tạp chí nghiên cứu tôn giáo số 8, năm 2007) và bài *“Vị trí của tư tưởng đạo đức Phật giáo trong hệ tư tưởng đạo Phật”* (Tạp chí nghiên cứu Phật học số 4, năm 2004); Thích Trí Quảng với bài *“Khái niệm về Giới luật của người Phật tử tại*

gia” (Báo Giác ngộ số 13, năm 1991); “*Vài suy nghĩ về Phật giáo dân gian Việt Nam*”, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số 2/1997 của Hoàng Thị Lan...

2.2. Các công trình nghiên cứu về Giáo dục Phật giáo

**Các công trình nghiên cứu là sách*

- Cuốn sách: “*Giáo dục học Phật giáo*” của Lý Kim Hoa (Nxb Tôn giáo, Hà Nội, 2009) là một công trình nghiên cứu đã nêu được nội dung về Giáo dục Phật giáo, lịch sử giáo dục Phật giáo, các nội dung trong giáo dục Phật giáo với nét đặc trưng mang tính khái quát của Phật giáo trên toàn thế giới nói chung, Việt Nam nói riêng dựa trên mẫu người lí tưởng trong giáo dục Phật giáo là hình tượng Bồ-tát.

- Cuốn sách: “*Con đường giáo dục Phật giáo*” của Thích Trừng Sĩ (Nxb Tôn giáo, Hà Nội, 2009) là một cuốn sách đi sâu vào tìm hiểu định nghĩa và ý nghĩa của từ giáo dục, nêu mục đích, đối tượng, phương pháp, chương trình của giáo dục nói chung và giáo dục Phật giáo nói riêng, và đưa ra một số yếu tố cần thiết để trở thành nhà giáo dục Phật giáo, Hệ thống giáo dục và tinh thần giáo dục. Cuốn sách đã mang lại những giá trị rất to lớn trong việc tìm hiểu giáo dục Phật giáo.

- Cuốn sách: “*Đạo Phật đi vào cuộc sống*” của Dịch Trường Tâm, Thanh Long (Nxb Văn hóa Sài Gòn, năm 2008) là cuốn sách nói về những vấn đề liên quan đến giáo dục Phật giáo, các tư tưởng cốt lõi của Phật giáo trong quá trình đi vào trong cuộc sống thường ngày... Những nét đó đã góp phần làm sáng tỏ những cơ hội và khó khăn của Phật giáo đối với những vấn đề hiện đại.

- Cuốn sách: “*Các nguyên tắc đạo đức của Phật tử tại gia*” của Thích Nhật Từ (nguồn: <http://www.buddhismtoday.com/>) là công trình nghiên cứu bao gồm 18 chương, 100 điều nói về văn hóa ứng xử trong các quan hệ của

cuộc sống dành cho các Phật tử tại gia và sự cần thiết áp dụng các nguyên tắc đạo đức này vào cuộc sống hàng ngày như: các yêu cầu cần và đủ của một người Phật tử, chương trình học Phật ngắn gọn, những trách nhiệm thiêng liêng của các bậc cha mẹ, cách sống hiếu thảo, đền ơn cha mẹ ngay hiện tại và tương lai, cách bảo vệ hạnh phúc lứa đôi, bổn phận thiêng liêng của thầy trò, thái độ ứng xử và giao tế.... Các điều này được tác giả trình bày giản dị, dễ hiểu. Đối với các Phật tử có niềm tin với Phật pháp, theo tác giả thì các nguyên tắc ấy là hành trang để con người tự hoàn thiện nhân cách cá nhân, đem lại hạnh phúc gia đình và ổn định xã hội.

** Các bài viết trên các tạp chí chuyên ngành*

Thích Phước Sơn với bài “*Đôi nét về giới luật*” (Nguyệt san Giác ngộ - Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh số 1, năm 2002) và bài “*Tính chất giáo dục của Giới luật Phật giáo*” (Nguyệt san Giác ngộ - Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh số 6, năm 1999); Nguyễn Thị Nga “*Góp phần tìm hiểu quan hệ giữa tôn giáo và đạo đức*” (Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo số 4, năm 2001) Hoàng Thị Thơ với “*Vấn đề con người trong đạo Phật*”, Tạp chí Triết học, số 6 – 2000...

** Các luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ*

- Luận án Tiến sĩ: *Đạo đức Phật giáo với công tác giáo dục thanh thiếu niên tín đồ Phật giáo Thừa Thiên Huế hiện nay* của Ngô Văn Trân bảo vệ tại Học viện KHXH Việt Nam (2012), đã đề cập khá sâu sắc về đạo đức Phật giáo, chỉ ra nhân sinh quan tiến bộ và độc đáo của đạo đức Phật giáo. Đồng thời, luận án giới thiệu mô hình *Gia đình Phật tử* - một mô hình giáo dục thanh thiếu niên tín đồ Phật giáo tại Huế, các chủ thể khác tham gia giáo dục thanh thiếu niên tín đồ Phật giáo Huế và những giải pháp nhằm phát huy đạo đức Phật giáo thông qua gia đình Phật tử trong công tác giáo dục thanh thiếu

niên Phật tử ở Huế. Nhìn chung, luận án có những điểm độc đáo khi khai thác tác động của Phật giáo Huế đến thế hệ trẻ, song mới dừng lại khảo sát các tín đồ Phật giáo mà chưa nghiên cứu rộng đến thanh thiếu niên nói chung.

- Luận văn Thạc sĩ Tôn giáo học: *Ảnh hưởng của giới luật Phật giáo đến giáo dục đạo đức thanh niên Việt nam hiện nay* của Hoàng Văn Năm (2010), bảo vệ tại Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội đã phân tích làm rõ ảnh hưởng của của giới luật Phật giáo trong giáo dục đạo đức thanh niên Việt Nam hiện nay. Tác giả nhấn mạnh rằng, hiện nay nhịp sống xã hội hiện đại đang hối hả, đạo đức truyền thống dường như bị lãng quên trong giới trẻ, việc vận dụng những nguyên tắc đạo đức Phật giáo trong giáo dục đạo đức cho thanh niên có ý nghĩa to lớn. Đó là những nguyên tắc đạo đức rất cụ thể (*Ngũ giới, Thập thiện*), giúp thanh niên rời xa chủ nghĩa cá nhân, xa hoa, ích kỷ, hướng đến người khác, thông cảm với nỗi khổ của người khác nhiều hơn.

- Luận văn Thạc sĩ Tôn giáo học: *Gia đình Phật tử với việc giáo dục thanh thiếu niên là tín đồ Phật giáo ở Đồng Nai hiện nay* (2014) của Nguyễn Thị Minh Phượng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã khảo sát thực trạng công tác giáo dục đạo đức cho thanh thiếu niên Phật tử của tổ chức Gia đình Phật tử, những vấn đề đặt ra và giải pháp nhằm phát huy những mặt tích cực của công tác này.

2.3. Các công trình về ảnh hưởng của Giáo dục Phật giáo, ảnh hưởng của đạo đức Phật giáo đến đạo đức thanh niên, đạo đức con người Việt Nam.

**Các công trình nghiên cứu là sách*

- Cuốn sách: *“Đạo Phật Việt Nam”* của Thích Đức Nghiệp (Nxb Thành hội Phật giáo, Thành phố Hồ Chí Minh, năm 1995). Trong công trình này tác giả khẳng định Đạo đức học Phật giáo có thể coi như một khoa học nhân bản

mà trong đó “Giới luật” và “Bát chính đạo” làm nền tảng trong việc xây dựng và hoàn thiện đạo đức, nhân cách con người, con người tốt thì xã hội sẽ có đạo đức. Theo tác giả, Đạo đức học Phật giáo mang lại giác ngộ và giải thoát, hạnh phúc và tự do cho một xã hội nhân bản nói riêng và cho toàn thể thế giới loài người nói chung.

- Cuốn sách: “*Đạo đức Phật giáo với đạo đức con người Việt Nam*” của Đặng Thị Lan, Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội 2006, đã hệ thống hóa những giá trị cơ bản của đạo đức Phật giáo mà theo tác giả, đây là những giá trị ảnh hưởng sâu sắc đến con người Việt Nam. Cuốn sách đề cập đến ảnh hưởng của đạo đức Phật giáo của đạo đức Phật giáo đến đạo đức truyền thống Việt Nam trong và vai trò của đạo đức Phật giáo đối với việc xây dựng và hoàn thiện đạo đức con người Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế hiện nay. Dưới góc độ tiếp cận triết học và tôn giáo học, tác giả đã nêu ra một số giải pháp nhằm phát huy những giá trị tích cực và hạn chế những mặt tiêu cực của đạo đức Phật giáo đối với đạo đức con người Việt Nam hiện nay.

- Cuốn sách: “*Đạo đức học Phật giáo*”, Thích Minh Châu (chủ biên), Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, 1995. Cuốn sách gồm nhiều bài viết đã phản ánh được những nội dung cơ bản về đạo đức Phật giáo và vai trò của nó trong việc bảo tồn và phát huy truyền thống đạo đức dân tộc. Nhiều tác giả đã phân tích sâu cơ sở và các phạm trù đạo đức Phật giáo, trong đó có các nội dung quan trọng như giới, hạnh, nguyện, thiện, ác...

- Cuốn sách: “*Phật giáo với dân tộc*” của Thích Thanh Từ, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh 1992, đã làm sáng tỏ mối quan hệ mật thiết giữa Phật giáo với dân tộc, về những nét chính trong luân lý Phật giáo, những giới luật của phật tử tại gia và phật tử xuất gia, về đóng góp của Phật giáo cho lịch sử dân

tộc trên các phương diện chính trị, tư tưởng, văn nghệ, về các giá trị đạo đức Phật giáo với tuổi trẻ Việt Nam hiện đại. Bằng những luận chứng, luận cứ phong phú, tác giả đã phân tích sự tương hợp giữa tư tưởng Phật giáo với các giá trị tinh thần dân tộc Việt Nam, Phật giáo Đại thừa lại phù hợp với tín ngưỡng, phong tục, tập quán của người Việt Nam.

- Cuốn sách: *“Ảnh hưởng của các hệ tư tưởng và tôn giáo đối với con người Việt Nam hiện nay”* do Nguyễn Tài Thư chủ biên, Nxb. Chính trị quốc gia 1997. Các tác giả đã đề cập đến vai trò của Phật giáo trên một số lĩnh vực như: hệ tư tưởng, tư duy, văn hóa, lối sống, đạo đức, đối với sự hình thành nhân cách con người Việt Nam hiện nay.

** Các bài viết trên các tạp chí chuyên ngành*

Nguyễn Tài Thư với bài *“Phật giáo với sự hình thành nhân cách con người Việt Nam hiện nay”* (Tạp chí triết học số 2, năm 1994); Thích Gia Quang với bài *“Vài nét về đạo Phật với nền giáo dục đạo đức xã hội”* (Tạp chí nghiên cứu Phật học số 5, năm 2001); Lê Văn Đỉnh với bài *“Bàn thêm về ảnh hưởng của Phật giáo trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay”* (Tạp chí nghiên cứu tôn giáo số 10, năm 2006); Lê Hữu Tuấn với bài *“Ảnh hưởng của Phật giáo đối với đạo đức truyền thống Việt Nam”* (Tạp chí nghiên cứu Phật học số 5, năm 2001)...

** Các luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ*

Ảnh hưởng của Phật giáo trong đời sống tinh thần của nhân dân vùng đồng bằng Bắc Bộ (Đề tài khoa học cấp bộ của Viện Nghiên cứu Tôn giáo và Tín ngưỡng - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội 2007). Luận án Tiến sĩ Triết học của Lê Hữu Tuấn với đề tài: *Ảnh hưởng của những tư tưởng triết học Phật giáo trong đời sống văn hoá tinh thần của dân tộc Việt Nam* (Hà Nội 1999). Luận án Tiến sĩ Triết học của Tạ Chí Hồng với đề tài:

Ảnh hưởng của đạo đức Phật giáo trong đời sống đạo đức của xã hội Việt Nam hiện nay (Hà Nội 2004). Luận án Tiến sĩ Triết học của Đặng Thị Lan với đề tài: *Đạo đức Phật giáo và ảnh hưởng của nó đối với đạo đức con người Việt Nam* (Hà Nội 2004). Luận án Tiến sĩ Triết học của Hoàng Thị Lan với đề tài *Ảnh hưởng của đạo đức tôn giáo đối với đạo đức của con người Việt Nam hiện nay* (Hà Nội 2004). Luận án Tiến sĩ Triết học của Lê Văn Lợi với đề tài *Ảnh hưởng của văn hoá tôn giáo trong đời sống tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay* (Hà Nội 2008)...

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu của các tác giả kể trên đã tiếp cận và giải quyết các vấn đề giáo dục Phật giáo, đạo đức Phật cũng như vai trò, ảnh hưởng của giáo dục Phật giáo đối với xã hội nói chung cũng như đối với thanh niên nói riêng từ các góc độ khác nhau. Tuy nhiên, vấn đề “*Giáo dục Phật giáo và ý nghĩa của nó đối với giáo dục đạo đức thanh niên Việt Nam hiện nay*” còn ít công trình nghiên cứu một cách hệ thống. Vì vậy, tác giả mong muốn có một sự đóng góp nhất định trong việc phân tích, làm rõ nội dung, ý nghĩa giáo dục của Phật giáo đối với giáo dục đạo đức thanh niên nước ta hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- *Mục đích*: Trên cơ sở phân tích những vấn đề cơ bản về giáo dục Phật giáo, luận văn làm rõ ý nghĩa của giáo dục Phật giáo đối với giáo dục đạo đức thanh niên ở Việt Nam hiện nay

- *Nhiệm vụ nghiên cứu*:

+ Giới thiệu khái quát về giáo dục Phật giáo, mục tiêu, phương pháp và nội dung giáo dục Phật giáo.

+ Trình bày vài nét về giáo dục đạo đức thanh niên hiện nay và những vấn đề đặt ra đối với việc giáo dục đạo đức thanh niên.

+ Phân tích ý nghĩa của giáo dục Phật giáo đối với việc giáo dục đạo đức thanh niên Việt Nam hiện nay.

+ Nêu ra một số khuyến nghị nhằm phát huy giá trị tích cực của giáo dục Phật giáo đối với giáo dục đạo đức thanh niên nước ta hiện nay.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

- *Cơ sở lý luận*: Đề tài dựa trên quan điểm triết học Mác – Lênin về tôn giáo, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng; sự cần thiết vận dụng, phát huy giá trị văn hóa, đạo đức của tôn giáo vào trong đời sống.

- *Phương pháp nghiên cứu*: Đề tài sử dụng phương pháp nghiên cứu của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử như: phân tích, tổng hợp, diễn dịch, quy nạp, logic - lịch sử, khái quát hóa, đối chiếu, so sánh...

5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- *Đối tượng*: Đối tượng nghiên cứu của luận văn là *giáo dục Phật giáo* và *ý nghĩa* của nó trong giáo dục đạo đức cho thanh niên ở nước ta hiện nay nói chung và thanh niên Phật tử nói riêng.

- *Phạm vi*: Luận văn giới hạn phạm vi nghiên cứu ý nghĩa của giáo dục Phật giáo đối với giáo dục đạo đức thanh niên, đặc biệt là thanh niên Phật tử từ khi đất nước bước vào đổi mới (từ 1986 đến nay).

6. Đóng góp mới của luận văn

Luận văn nghiên cứu góp phần vào việc làm rõ một số vấn đề cơ bản về giáo dục Phật giáo và ý nghĩa của giáo dục Phật giáo đối với việc giáo dục đạo đức thanh niên ở nước ta hiện nay.

7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

- Đề tài góp phần vào việc tìm hiểu nền giáo dục Phật giáo.

- Vận dụng giáo dục của Phật giáo vào giáo dục đạo đức thanh niên nước ta hiện nay.

- Đề tài có thể dùng làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu những môn học liên quan đến Phật giáo, giáo dục trong Phật giáo, đạo đức, lối sống.

8. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo; luận văn gồm 2 chương và 7 tiết.

Chương 1

GIÁO DỤC PHẬT GIÁO – MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN

1.1. Giáo dục Phật giáo

1.1.1. Khái niệm giáo dục Phật giáo

- *Khái niệm giáo dục*

Giáo dục là gì? Có lẽ, câu hỏi này đặt ra khó có thể trả lời vắn tắt và ngắn gọn được. Bởi, giáo dục có từ rất sớm và sẽ không bao giờ chấm dứt. Ngay từ thuở xa xưa, khi thế giới bắt đầu hình thành, do bản năng sinh tồn các loài động vật đã biết dạy con cái, hay dạy lẫn nhau cách để sống, cách để tồn tại, và con người cũng vậy. Hiểu đơn giản, đó chính là giáo dục.

Vậy, khái niệm giáo dục? Giáo dục là gì? Giáo dục có từ lúc nào và bao giờ chấm dứt?

Trong “Từ Điển Tiếng Việt” từ “giáo dục” được định nghĩa là: “Giáo dục 1. (động từ). Hoạt động nhằm tác động một cách có hệ thống đến sự phát triển tinh thần, thể chất của một đối tượng nào đó, làm cho đối tượng ấy dần dần có được những phẩm chất và năng lực như yêu cầu đề ra. 2. (danh từ). Hệ thống các biện pháp và cơ quan giảng dạy giáo dục của một nước” [82, tr.379].

Giáo dục theo tiếng Hán có thể hiểu *giáo* nghĩa là giáo hóa, *dục* nghĩa là nuôi dưỡng. Giáo dục bao hàm sự rèn luyện về đường tinh thần nhằm phát triển tri thức và tình cảm đạo đức và săn sóc về mặt thể chất. Phương Đông cũng như phương Tây, giáo dục buổi đầu đều lấy con người làm đối tượng, nhằm phát triển ba phương diện trí tuệ, tình cảm, thể chất.

Từ *Education* của phương Tây vốn xuất phát từ *educare* của tiếng La Tinh. Chữ E xuất phát từ chữ *out* nghĩa là làm xuất ra, chữ *ducare* có nghĩa như động từ *to lead* của tiếng Anh là dẫn dắt, lôi kéo. *Educare* là dẫn dắt, hướng dẫn để làm phát khởi những khả năng tiềm ẩn. Sự dẫn dắt này nhằm đưa con người từ chỗ không biết đến biết, từ xấu đến tốt, từ thấp kém đến cao

thượng, từ không hoàn thiện đến hoàn thiện. Vậy có thể hiểu, giáo dục ở đây được định nghĩa là quá trình hay cách thức làm bộc lộ những khả năng tiềm ẩn của người được giáo dục.

Education xuất hiện ở Pháp từ đầu thế kỷ 16, đến giữa thế kỷ 17, Viện Hàn Lâm Pháp mới đưa ra định nghĩa đầu tiên như sau: “Giáo dục là sự dạy dỗ đứa trẻ hoặc về phương diện trí tuệ hoặc về phương diện thể chất” [35, tr.9]. Như vậy, lúc đầu chữ *Education* được đồng hóa với chữ *Instruction*, nghĩa là giảng dạy, hay nói cách khác là sự truyền thụ kiến thức cho đứa trẻ làm nảy nở thêm lên ví như vun trồng loài cây hay luyện tập loài vật vậy.

Trong lịch sử triết học, cũng rất nhiều triết gia bàn và nhắc đến giáo dục. Theo quan niệm của Aristotle, giáo dục là để phát triển những khả năng của con người, đặc biệt là tâm trí, để người ta có thể thưởng ngoạn được chân lý cuối cùng, cái đẹp và những điều thiện lành. Platon thì cho rằng, giáo dục là để phát triển hoàn thiện cơ thể và tâm hồn của học sinh. Còn Durkheim thì quan niệm giáo dục là sự xã hội hóa thế hệ trẻ.

Trong quan niệm về giáo dục của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác, giáo dục không chỉ được coi là phương thức làm giàu tri thức cho con người, phục vụ cho xã hội, mà quan trọng hơn, giáo dục là cách thức làm cho con người được phát triển toàn diện các năng lực của mình. Nghiên cứu sự hình thành và phát triển con người, C.Mác cho rằng, con người là một thực thể sinh học - xã hội. Theo đó, đứa trẻ mới ra đời chỉ là “con người dự bị”. Nó không thể trở thành con người, nếu bị cô lập, tách khỏi đời sống xã hội. Trong *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*, C.Mác viết: “Cá nhân là thực thể xã hội, cho nên mọi biểu hiện sinh hoạt của nó, ngay cả nếu nó không biểu hiện sinh hoạt tập thể, được biểu hiện cùng với những người khác - là biểu hiện và khẳng định của sinh hoạt tập thể” [15, tr.171]. Như vậy, muốn tồn tại và phát triển, đứa

trẻ phải gia nhập vào môi trường xã hội. Chính việc gia nhập vào môi trường xã hội, thông qua các thiết chế xã hội, đặc biệt là giáo dục, con người mới có thể hoà nhập vào xã hội. Giáo dục giúp con người có được những kinh nghiệm cần thiết để sống, thích ứng và phát triển. Mặt khác, giáo dục còn đưa lại cho con người tri thức và văn hóa. Điều này giúp họ có nhiều cống hiến hơn cho xã hội. Như vậy, ở đây, theo các ông, giữa xã hội và hoạt động giáo dục luôn có mối quan hệ biện chứng. Trong đó, xã hội đóng vai trò là nhân tố quy định hoạt động giáo dục, định hướng cho sự phát triển của giáo dục, còn giáo dục có tác động tích cực đối với sự phát triển của xã hội.

Ở phương Đông và phương Tây, từ giáo dục hay khái niệm giáo dục đã xuất hiện từ rất sớm. Giáo dục buổi đầu ở phương Tây, trong ba phương diện của giáo dục trước tiên chú trọng vào giáo dục trí tuệ. Khi nền giáo dục phương Tây vào Việt Nam thay thế cho giáo dục Hán học, trong *Sách Tập Đọc, Quốc Văn Giáo khoa thư, lớp Đông Á* đã thấy xuất hiện trong bài tập đọc các câu như: “Tôi đi học để làm gì? Tôi đi học để biết đọc, biết viết, biết tính toán và biết nhiều khoa học khác nữa...”. Đó là giáo dục của phương Tây: reading, writing, arithmetic. Ở phương Đông, trước tiên một đứa trẻ được dạy “ứng đối, tiến thoái, sái tảo” tức là lập cho đứa trẻ cách đối đáp thưa gửi, cách đi đứng oai nghi cử chỉ, cách giữ gìn vệ sinh, sự sạch sẽ, hay “Tiên học lễ hậu học văn”, đặt nặng giáo dục đạo đức, tình cảm lên trước học tri thức, văn hóa.

Qua một số nghiên cứu của các học giả về giáo dục, ta có thể nêu ra một vài điểm chính trong quan niệm giáo dục hiện nay như sau:

Giáo dục là quá trình được tổ chức có ý thức, hướng tới mục đích khơi gợi hoặc biến đổi nhận thức, năng lực, tình cảm, thái độ của người dạy và người học theo hướng tích cực, nghĩa là góp phần hoàn thiện nhân cách người

học bằng những tác động có ý thức từ bên ngoài, góp phần đáp ứng các nhu cầu tồn tại và phát triển của con người trong xã hội đương đại.

Giáo dục bao gồm việc dạy và học, giáo dục là nền tảng cho việc truyền thụ, phổ biến văn hóa từ thế hệ này đến thế hệ khác. Giáo dục là phương tiện để đánh thức và nhận ra khả năng, năng lực tiềm ẩn của chính mỗi cá nhân, đánh thức trí tuệ của mỗi người.

Theo quan điểm của các nhà giáo dục, giáo dục thông qua 3 môi trường chính, đó là: gia đình, nhà trường và xã hội.

- *Khái niệm giáo dục Phật giáo*

Giáo dục học là khoa học về việc giáo dục con người, khoa học về sự huấn luyện đạo đức, trí tuệ và hình thành con người nhân cách và con người hạnh phúc. Giáo dục là nâng cao trình độ học vấn, rèn luyện tri thức và đào tạo con người ngành nghề, con người chân, thiện và mỹ, có khả năng hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học, giáo dục, kỹ thuật, tôn giáo... Trong sự phát triển xã hội, giáo dục luôn có những xu thế mở không chỉ trong phạm vi quốc gia mà còn quốc tế nữa.

Giáo dục Phật giáo là giáo pháp Đức Phật dạy. Nói đến giáo dục thế gian, người ta đã tiến đến lý thuyết 4W, đó là: *Who, Whom, What, How*. *Who* là ai dạy - Là Phật, Bồ tát và thời sau Phật là đệ tử Phật. *Whom* là dạy ai - Dạy tất cả chúng sinh, đối tượng là con người. *What* là dạy cái gì - Đó là Giáo pháp, Giáo Pháp gồm 3 tạng: kinh tạng là giáo thuyết Phật giáo nói để khai ngộ chúng sinh, đạt chứng Niết bàn và hóa độ hữu tình. Nói theo thể tục là Phật giáo nhằm đưa con người đạt đến đỉnh cao của trí tuệ và tình cảm của con người toàn vẹn. Kinh được coi là khế kinh. Khế nghĩa là phù hợp, phù hợp chân lý, phù hợp cơ duyên và phù hợp với thời gian. Luật tạng là giới luật Phật dạy cho các đối tượng tu dưỡng, nói theo thông thường là luật lệ quy tắc

sinh hoạt, là quy luật đạo đức cần thiết cho tất cả mọi người dù sống độc cư hay trong tập thể, trong cộng đồng. Luận tạng là tất cả những nghị luận, biện luận làm sáng tỏ nghĩa lý các giáo thuyết do Phật nói, được các La hán, Bồ tát rút trong kinh tạng ra. *How* là dạy như thế nào - Là các phương pháp ứng dụng để giáo dục đạt hiệu quả.

Giáo dục Phật giáo được hiểu là dạy cho con người biết và hiểu giáo lý Phật giáo. Qua đó, bồi dưỡng, phát triển con người hoàn thiện hơn về mặt trí thức và tâm thức, để trở thành những con người tốt hơn, có phẩm hạnh và có đạo đức, trở thành những người tốt, chân thật, từ bi và biết kính trọng người khác, trở thành những con người có trí tuệ, sống có lý tưởng, suy nghĩ hợp lý, thích ứng được với bối cảnh xã hội.

Giáo dục Phật giáo là để phát triển trí tuệ, thấu hiểu bản chất thật sự của các pháp, hiểu được những điều chân thực và có giá trị. Học Phật là đi theo con đường đức Phật đã dạy để nhận sự chân thật, qua đó loại bỏ những quan điểm sai lầm, trái đạo đức.

Câu chuyện khi nói đến giáo dục Phật giáo của những buổi đầu, Kinh điển lưu giữ dưới dạng khẩu truyền nên người học cần phải thân cận thầy và hội để nghe giảng dạy cũng như tụng đọc lại những gì đã ghi khắc được trong tâm trí. Cách thức giảng dạy thông qua hình thức đối thoại, so sánh và đôi khi cả tranh biện. Giáo dục Phật giáo là một quá trình tiệm tiến. Nghe giảng dạy, ghi nhớ, suy nghiệm và thực tập (văn - tư - tu) được xem như là một tiến trình giáo dục, không phải chỉ xảy ra trong chốc lát mà là một quá trình diễn biến thứ bậc. Đức Phật dạy: “Này các Tỳ-kheo, ta không nói rằng việc chứng đạt trí tuệ sâu thẳm đến ngay lập tức, mà nó đến bằng một sự tu tập tuần tự” [60, tr.129].

Từ góc độ giáo dục Phật giáo, giáo dục không chỉ là việc dạy và việc học mà còn là quá trình chuyên hóa nội tâm, cải tạo cái xấu, thay thế, bồi dưỡng

và phát huy cái tốt, trang bị cho mỗi cá nhân những nhận thức chính kiến, đức tin chân chính và những phẩm chất tâm linh cao thượng để mỗi người có thể làm hành trang tu lượng cho đời sống an lạc, hạnh phúc cá nhân, gia đình, học đường và cộng đồng xã hội. Giáo dục Phật giáo nhằm trang bị và hoàn bị cho con người có thể sống an lạc và hạnh phúc, phục vụ cho tha nhân, góp phần xây dựng một quê hương đất nước giàu đẹp, một xã hội công bằng văn minh. Giáo dục Phật giáo không đào tạo con người trở thành con người nghề nghiệp mà giáo dục con người trở thành con người an lạc và hạnh phúc. Con đường giáo dục của Phật giáo khá thiết thực và thực tiễn.

Vậy, giáo dục Phật giáo là giảng dạy hệ thống giáo lý Phật giáo cho con người, hướng đến sự phát triển toàn diện của con người qua các mặt của đời sống, đặc biệt là tâm thức, nhằm kiến tạo một đời sống trí tuệ và hạnh phúc.

1.1.2. Lịch sử giáo dục Phật giáo

Thích Ca Mâu Ni từ khi đứng dậy dưới cây Bồ đề cho đến khi nằm xuống trong rừng Sala trong một đêm trăng vàng, ròng rã 45 năm không mệt mỏi đi khắp miền nam của Ấn Độ giảng dạy từ vương hầu tể tướng, Bà-la-môn, cư sĩ, thương nhân đều được hóa độ không phân biệt riêng ai. Những lời vàng ấy đã được kết tập thành tạng giáo bằng văn hệ Pali, Sanskrit và đã được dịch ra nhiều thứ tiếng, có tác dụng như một cơn gió mát trong lành thổi vào đời sống nhân loại suốt hai ngàn năm cho đến thế kỷ XXI.

Thế nhưng đến gần cuối thế kỷ XX, các tác phẩm lớn viết về giáo dục thế giới như “The world of education”, Mac Millan, London ấn hành 1967, của Rena Foy chỉ nói đến giáo dục cổ Hy Lạp, giáo dục của La Mã, giáo dục Không giáo, giáo dục Thiên chúa giáo. Quyển “The development of education in the 20th century” của Meyer, Prentice-Hall tái bản nhiều lần cũng không hề đề cập đến giáo dục Phật giáo. Giáo dục Phật giáo là một lãnh vực còn bị bỏ

hoang, là đề tài chưa được khai thác. Tiến sĩ Kanazawa Tomitaro trong lời đề tựa quyển “Nghiên cứu tư tưởng giáo dục Phật giáo” 1955, đã nói rằng: “Nhìn lại quá trình nghiên cứu lịch sử giáo dục Phật giáo Nhật Bản từ trước đến nay, ta thấy vai trò của Phật giáo đã hết sức bị xem nhẹ”. Đây chính là điểm người làm công tác văn hóa giáo dục Phật giáo phải đánh lên tiếng chuông cho mọi người nghe, đừng để ba tạng kinh điển nằm im trong tủ kính một cách tôn nghiêm mà không ai biết có gì trong đó, phải rút tía các đặc chất của giáo dục Phật giáo với nhãn quan của nhà giáo dục, nghiên cứu, phân tích, phân loại, hệ thống rồi giới thiệu rộng rãi, giới thiệu thường xuyên, giáo pháp Phật dạy như một khoa học giáo dục, không phải chỉ để biết mà để áp dụng điều Phật dạy trong cuộc sống.

Có thể nói rằng, giáo dục Phật giáo trên thế giới có lịch sử hình thành và phát triển chưa theo một hệ thống hoàn chỉnh, và khi du nhập vào Việt Nam cũng vậy. Nhưng, giáo dục Phật giáo ở Việt Nam đã được khai thác như thế nào, đã đạt được những thành tựu như nào, dưới đây sẽ là những dẫn chứng cụ thể.

Từ những năm đầu thế kỷ XX, hệ thống giáo dục Phật giáo ở nước ta bao gồm các trường Hạ, trường Gia giáo của các Tổ đình, Sơn môn, Pháp phái. Trường Hạ (an cư kiết Hạ) có lịch sử lâu đời nhất, đó là sự tu học tập trung bắt buộc đối với tu sĩ Phật giáo vào ba tháng mùa hạ. Chương trình tu học trong ba tháng này là do vị sư trụ trì chùa đặt ra, số lần đi Hạ là tuổi đạo của tu sĩ. Các lớp tu học do các tu sĩ đức cao đạo trọng mở và trực tiếp giảng dạy tại chùa (tổ đình).

Thời Lê sơ, triều đình phong kiến thực hiện việc cai trị chủ yếu bằng Nho giáo, Phật giáo thời kì này thiếu sự hộ pháp của triều đình nên dần bị suy vi và cần phải chấn hưng Phật giáo.

Nhiệm vụ đầu tiên của phong trào chấn hưng Phật giáo là xây dựng hệ thống giáo dục Phật giáo mới để đào tạo các tu sĩ truyền giáo có phẩm hạnh và học thức. Trên khắp cả nước từ Bắc đến Nam, rất nhiều các trường Phật học tập trung ra đời, có thi tuyển, có chương trình đào tạo với sự tham gia của ngày càng đông các học tăng.

Đặc biệt hơn, có rất nhiều Chư tăng đi du học, đi nghiên cứu, sau khi tốt nghiệp về nước họ đã trở thành cầu nối Phật giáo Việt Nam với Phật giáo quốc tế.

Có thể nói rằng, kể từ khi công cuộc chấn hưng Phật giáo Việt Nam được khởi xướng thì công tác chỉnh đốn và phát triển hệ thống giáo dục Phật giáo đã mở sang một trang mới với rất nhiều các Hội Phật giáo khác nhau ở khắp mọi miền của Tổ quốc như: Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học, Hội Lương Xuyên Phật học, Hội An Nam Phật học, Hội Phật học Bắc Kỳ, Hội Phật giáo Việt Nam, Giáo hội Tăng già Việt Nam, Giáo hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam... Rồi đến khi, Giáo hội Phật giáo Việt Nam ra đời tháng 11 năm 1981, thì nền giáo dục Phật giáo Việt Nam lại đi vào một hệ thống toàn diện, quy củ từ Trung ương đến địa phương.

Con số tham gia công tác giáo dục Phật giáo ở Việt Nam có thể nói ở mức con số khá khiêm tốn, nhưng điển hình phải kể đến Bác sĩ Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, cư sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền... họ là những con người có rất nhiều đóng góp trong việc xây dựng hệ thống giáo dục Phật giáo như dịch kinh và giảng kinh... Hay ngày nay ở nước ngoài đã có những nhóm cư sĩ tự nguyện âm thầm làm công việc Phật sự không vụ lợi, không chờ đợi sự bảo trợ từ đâu đến, họ tham gia từ chính cái tâm, chính sự am hiểu Phật giáo của bản thân mình.

Tuy nhiên, trong bài Giáo dục Phật giáo đối diện những vấn đề hiện đại, cố giáo sư Minh Chi đã phát biểu: “Cho đến nay, ta thường hạn chế số người làm chức năng giáo dục trong tăng sĩ và giờ giáo dục Phật giáo trong các buổi thuyết pháp hay là giờ lên lớp ở các trường Phật học cơ bản và cao cấp. Một quan niệm hẹp như vậy làm giảm sút hiệu quả giáo dục của Phật giáo rất nhiều. Tất cả những người không kể là xuất gia hay tại gia, một khi đã tin vào chân lý của những giá trị triết lý đạo đức của đạo Phật và sống theo đúng những giá trị đó đều mặc nhiên trở thành những nhà giáo dục Phật giáo, bằng thân giáo, bằng mọi hành vi và lời nói của mình” [81, tr.88].

1.2. Mục tiêu, phương pháp giáo dục Phật giáo

1.2.1. Mục tiêu giáo dục Phật giáo

Giáo dục là giáo dục con người. Vậy phải hình dung ra con người là như thế nào, bản tính ra sao. Ngoài Phật giáo, xưa nay phương Tây cũng như phương Đông thường có hai khuynh hướng cho rằng bản tính con người là thiện hoặc ác. Phương Đông có 3 khuynh hướng rất rõ: Mạnh Tử chủ trương tính thiện, khuynh hướng dùng nhân trị; Tuân Tử chủ trương tính ác, khuynh hướng dùng pháp trị. Phật giáo chủ trương có ba tính thiện, bất thiện, vô ký, bản chất con người là duyên khởi và vô ngã. Con người là một hữu thể có đặc tính như vậy.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trước khi từ giã cõi thế đã dặn bảo đệ tử hãy lấy giáo pháp mà Ngài đã trao truyền làm người hướng dẫn. Ngài chính là một nhà giáo dục vĩ đại, đã dành cả cuộc đời mình đi khắp mọi nơi trao truyền chính pháp. Những đệ tử của Ngài lại tiếp tục công việc của thầy mình và giờ đây đạo Phật đã lan rất rộng thấm nhuần trong tiềm thức của rất nhiều người dân không chỉ ở châu Á mà lan rộng sang cả châu Âu, Mỹ. Có thể nói, Phật giáo là một hệ thống giáo dục rất đặc biệt, nhắm đến mục tiêu đặc biệt.

Giáo dục Phật giáo muốn giúp con người có hạnh phúc đích thực, biết tu tập, chuyển hóa tham, sân, si; biết thanh lọc ác pháp tham, sân, si thành thiện pháp vô tham, vô sân, vô si; biết chuyển hóa phiền não thành bồ đề; biết vun trồng và tưới ẩm những hạt giống chính niệm ở trong tâm thức của mỗi con người.

Mục tiêu giáo dục Phật giáo hướng đến là giúp tất cả các Tăng Ni, Phật tử tại gia theo Phật là để đạt được thanh tịnh tâm ý, để đạt đến trạng thái giải thoát, trạng thái niết bàn. Đức Phật đã nêu rõ “Cũng như nước biển chỉ có một vị là vị mặn, này Paharada, Pháp và Luật của ta chỉ có một vị, là vị giải thoát” [43]. Hạnh phúc chỉ đến thật sự khi giải thoát đồng nghĩa với tinh thân vô ngã, tâm linh con người thoát khỏi tham, sân, si... bỏ qua tất cả phiền não và an vui trong cảnh giới Niết bàn.

Nói về mục tiêu này, nhận định của HT. Thích Thiện Siêu trong bài viết: “*Bàn về mục tiêu của Giáo Dục Phật Giáo*” Hòa thượng dưới cách nhìn của một nhà tư tưởng Phật học nhận định rằng: “Mục tiêu của giáo dục vẫn là mưu cầu hạnh phúc. Hạnh phúc, theo Phật giáo, chính là sự giải thoát tối hậu”. Giải thoát đồng nghĩa với vô ngã, vô tham, vô sân, vô si, thoát khỏi luân hồi, tuyệt đối an tịnh Niết bàn.

Giúp con người có cái nhìn chính kiến vô lậu, giải thoát, cái nhìn duyên khởi, vô ngã, Đức Phật dạy: “Đây là khổ đau, đây là nguyên nhân của khổ đau, đây là sự diệt khổ và đây là con đường đưa đến sự diệt khổ”. Là con người, nếu có cái nhìn đúng đắn thì chúng ta phải tự tu tập để có thể chuyển hóa tham, sân, si thành vô tham, vô sân, vô si, và chuyển hóa khổ đau thành hạnh phúc đích thực ngay trong cuộc sống này.

Hạnh phúc của giải thoát có nhiều cấp độ, cũng như giải thoát có nhiều cấp độ mà người ta có thể kinh nghiệm được trong đời sống hằng ngày. Nếu

một người xóa bỏ được sự chấp ngã, tham, sân, si, giữ tâm an tịnh được chừng nào thì người ấy sẽ cảm nhận được hạnh phúc chừng ấy. Đây là một thực tế mà một người có thể kiểm chứng qua việc hồi tưởng lại những kinh nghiệm giải thoát từng phần hoặc từng lúc của mình trong đời sống hằng ngày. Đó có thể coi là một ý hướng về hạnh phúc trong hiện tại và trong tương lai.

Giải thoát khổ đau có nhiều cấp độ như: giải thoát khỏi sự ngu muội, lòng thù hận, sự nghèo khó, một cơn bệnh, một sự bất công, áp bức, nô lệ... Giải thoát ở đây là sự giải thoát từng phần, tương đối, đồng nghĩa với sự giải phóng, sự cải thiện, phát triển.... Từ đó, tiến đến sự giải thoát tối hậu là Niết bàn. Trong ý nghĩa này, mục tiêu của giáo dục Phật giáo cũng bao gồm nhiều cấp độ: Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ tát thừa; đây là đi từ các mục tiêu trước mắt đến mục tiêu tối hậu, tức giải thoát trọn vẹn. Giáo dục Phật giáo không phải là phương tiện để thực hiện địa vị và quyền thế và cũng không phải là nghề nghiệp để mưu cầu sinh sống, mà phải là cứu cánh để thực hiện chí nguyện độ sanh và để giải thoát khổ đau. Đức Phật đã dạy: “Nước bốn biển trong đại dương chỉ có một “vị mặn”, cũng vậy, giáo pháp của Ta có một “vị giải thoát”. Giải thoát ở đây có thể hiểu là có nhiều khía cạnh, giải thoát từng phần, giải thoát từng cấp độ như giải thoát con người ra khỏi sự thù hận, ngu dốt, bất công, nghèo đói, bệnh tật, nô lệ, áp bức,... và giải thoát cao nhất vẫn là giải thoát khổ đau.

Vậy, có thể kết luận rằng, mục tiêu tối hậu của giáo dục Phật giáo là sự giải thoát, những mục tiêu trước mắt là nhằm loại dần những khổ đau, chướng ngại do tham sân si gây nên.

Bên cạnh đó, theo nhận định của Thượng tọa Thích Chơn Thiện nói về mục tiêu giáo dục Phật giáo “một đường hướng giáo dục tốt luôn luôn nhằm

đến hai mục tiêu đó là đào tạo con người xã hội và con người chính nó. Nếu thiếu đi một trong hai mục tiêu ấy là một nền giáo dục không hoàn chỉnh” [67, tr.60]. Giáo dục con người xã hội trong mối tương quan biện chứng hai chiều giữa cá nhân và xã hội, tạo thành động lực giữa xã hội hỗ trợ và phát triển. Tức là nền giáo dục trong đó bao gồm sự phát triển tâm linh, sự quan hệ huyết thống và sự quan hệ xã hội trong những chuẩn mực nhất định. Giáo dục con người cá nhân là nhắm vào các đặc tính sẵn có và đánh thức những gì tiềm ẩn trong con người trở dậy.

Mục tiêu của giáo dục Phật giáo là đưa mọi người đến chỗ giải thoát mọi khổ đau, nhưng giáo pháp của Đức Phật có phân biệt từng trường hợp, từng hoàn cảnh, tùy theo căn cơ của từng chúng sinh mà hướng dẫn từng cá nhân đi theo những con đường nhanh hay chậm, trực tiếp hay gián tiếp.

Giáo dục Phật giáo hướng đến giúp con người biết phát triển tâm linh cao thượng, biết nuôi dưỡng tinh thần độc lập tự do, tự chủ và tự do sáng tạo. Tự do có nghĩa là thân và tâm không bị ràng buộc bởi các tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định. Các phiền não này là những khổ đau. Giáo dục Phật giáo còn giúp con người có niềm tin vững chãi, không sợ hãi, không sợ kẹt vào các thành kiến, định kiến, các tín điều và giáo điều, tin vào ý nghĩa thiện, lời nói thiện và việc làm thiện của chính bản thân mình.

Mục tiêu của giáo dục Phật giáo còn là xây dựng con người hữu ích, hạnh phúc, có nhân cách tốt, con người chân thiện mỹ, có một đời sống trọn vẹn hạnh đức, tâm đức và tuệ đức để con người đó có thể góp phần xây dựng một nếp sống tốt đạo, đẹp đời và xây dựng một nền văn hóa văn minh cho nhân loại. Đào tạo những con người có kiến thức sống động, những tâm tư mới lạ, sáng suốt, có tính sáng tạo, biết khơi dậy và đánh thức những hạt giống hạnh

phúc và giác ngộ nơi tự thân, những con người có tấm lòng tương trợ, tương thân, tương ái, tương kính, có tình yêu nhân loại.

Giá trị của giáo dục Phật giáo là hướng đến sự phát triển toàn diện của con người qua các mặt của đời sống, đặc biệt là tâm thức, nhằm kiến tạo một đời sống trí tuệ và hạnh phúc thật sự ngay tại con người này và trong cuộc đời này.

1.2.2. Phương pháp giáo dục Phật giáo

Cũng như mọi nền giáo dục khác, giáo dục Phật giáo nhằm hoàn thiện con người. Theo quan niệm của Phật giáo: Con người là một chúng sinh có khả năng thành Phật. Phật là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành. Đây có thể nói là một định nghĩa mà Phật giáo hướng đến đối tượng giáo dục là con người đầy sức sống, đầy năng lực và tính nhân bản. Con người ấy được trở về đúng bản vị làm người, trở về chính mình. Trong kinh Trường Bộ I, kinh Đại Niết Bàn, lúc sắp nhập Niết bàn, Đức Phật dạy ngài A Nan: “Vậy nên, này Ananda, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một gì khác. Dùng chánh pháp làm ngọn đèn, dùng chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một gì khác” [9, tr.584]. Phật giáo khuyên con người phát huy tính tự lực, tự thân, nỗ lực hoàn thiện mình trên lộ trình giải thoát.

Phương pháp giáo dục là lĩnh vực hoạt động của khoa học giáo dục về việc giảng dạy và học tập, tổ chức các phương tiện giáo dục, soạn thảo các chương trình giáo dục, giáo hóa và truyền bá chánh pháp, nhằm đáp ứng với mọi trình độ căn cơ của chúng sinh, với sự thật, lẽ phải, thực tế, với các nhu cầu lý luận, với các nhu cầu thời đại và hoàn cảnh xã hội. Các nhà giáo dục xưa nay khi đề cập phương pháp giáo dục thường quan tâm đến ba lĩnh vực: phương pháp soạn thảo chương trình, phương pháp giảng dạy và học tập,

phương pháp tổ chức học đường và các tiện ích giáo dục. Muốn đạt hiệu quả giáo dục, ba lĩnh vực này phải được vận dụng một cách linh động, tiến bộ mãi để phù hợp trình độ đáp ứng nhu cầu đưa con người và xã hội tiến lên.

Tuy nhiên, phương pháp giáo dục trên nhằm khoanh vùng trong hệ thống giáo dục học đường, một hệ thống giáo dục mang tính hàn lâm, có thi cử và có bằng cấp học vị. Đây là phương pháp không phải là phương pháp ứng dụng của Phật giáo, vì giáo dục Phật giáo không nhằm mục đích đó.

Trong giáo dục Phật giáo, không một đối tượng nào được áp dụng một phương pháp nào mà chưa trải qua thể nghiệm. Đức Thích Ca Mâu Ni tự thân đã qua quá trình hỏi đạo, biện triết với các nhà tư tưởng cũng như thực hành các phương pháp luyện tập của các nhà khổ tu trước khi quyết tâm thiền định dưới cây bồ đề cho đến khi thành chính quả. Văn Thù, bậc đại trí, đã chỉ cho đồng tử Thiện Tài du hành học đạo, tiếp xúc với đủ hạng người từ trưởng giả, Bà la môn, người thân tiên, đồng nam đồng nữ, cư sĩ, người lái thuyền, ngoại đạo... Như thế có thể nói, phương pháp giáo dục trong Phật giáo là phương pháp kinh nghiệm, phương pháp giáo dục từ kinh nghiệm thực tế.

Trong giai đoạn đầu tổ chức, giáo dục Phật giáo nhắm đối tượng là tu sĩ, nhưng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của dân cư thì cho đến nay, nền giáo dục Phật giáo đã mở rộng hơn, bên cạnh các hệ thống giáo dục Phật giáo được đào tạo từ cấp tiểu học, trung học, sơ cấp và đại học Phật giáo cho các tu sĩ thì còn có các khóa tu, khóa thiền cho tất cả mọi người. Vì vậy, phương pháp giáo dục Phật giáo cần phải đáp ứng được mục đích của từng nhóm đối tượng. Như đối với người bình thường các tỷ kheo cũng ra sức giảng pháp, đem tinh thần Phật giáo để truyền đạt cho mọi người mà không cần hệ thống tổ chức đầy đủ, giáo trình và môn học nghiêm ngặt như giáo dục cho các tu sĩ.

- *Phương pháp truyền đạt*

Vì đối tượng của giáo dục Phật giáo ở đây là đủ mọi thành phần, mọi trình độ học vấn, ngôn ngữ, văn hóa, vì thế phương pháp truyền đạt để làm sao đối tượng học tập phải đủ khả năng nhận thức mọi vấn đề và áp dụng được vào thực tế cuộc sống, đó chính là phương pháp khó nhất và quan trọng nhất đối với giáo dục Phật giáo.

Trong truyền đạt, có thể vận dụng, khơi dậy giác quan nghe nhìn, quan sát vật, cảnh, tranh ảnh, chuyện kể... sẽ giúp cho buổi học thêm sinh động và thú vị. Ví dụ như bản thân mỗi người đã phần nào có sẵn trong mình những khái niệm về Chân -Thiện -Mỹ nhưng họ vẫn lơ mơ, vấn đề đặt ra ở đây là khi truyền đạt phải tạo cơ hội, điều kiện để người học có thể quan sát tìm hiểu, tiếp cận với thực tại để suy ngẫm, thấu hiểu và liên hệ được với chính bản thân mình.

- *Phương pháp soạn thảo chương trình, tổ chức học tập*

Bằng phương pháp soạn thảo chương trình và tổ chức học tập, việc giáo dục Phật giáo đã phát triển rất sâu rộng trong tất cả mọi tầng lớp xã hội, đặc biệt là thế hệ thanh niên, học sinh, sinh viên.

Ngày nay, chương trình giáo dục của Phật giáo đang bước vào một thời đại mới, thời đại hòa nhập xã hội thông tin. Ở đó, cái chậm chạp, thụ động, khép kín phải nhường chỗ cho cái nhạy bén, sáng tạo, cởi mở. Con người phải hòa nhập vào cuộc sống, vào xã hội như một mạng lưới đan xen vào nhau và phủ trùm lên mọi ngõ ngách nhận thức. Phật giáo là tôn giáo có thiết chế mang đậm tính tương tác với xã hội. Vấn đề nội dung giáo dục của Phật giáo thích nghi với xã hội là cái cần thiết cho Phật giáo ngày hôm nay nói chung và nội dung trong chương trình giáo dục của Phật giáo nói riêng theo chiều hướng thích nghi, để định hướng phát triển cho mỗi một thành viên trong

cộng đồng. Trong đó, bộ phận giới trẻ luôn là những đối tượng mà chương trình giáo dục của Phật giáo hướng đến. Chính vì vậy, việc soạn thảo chương trình giáo dục của Phật giáo phù hợp với nhiều lứa tuổi.

1.3. Nội dung cơ bản của giáo dục Phật giáo

1.3.1. Giáo dục Phật giáo hướng đến hoàn thiện đạo đức cá nhân

- *Giáo dục tinh thần từ bi, hướng thiện*

Phật giáo là một tôn giáo có quá trình tồn tại lâu dài ở Việt Nam và đã trở thành một yếu tố quan trọng trong đời sống tinh thần của người dân Việt. Những giá trị đạo đức Phật giáo đã hòa quyện với các giá trị đạo đức truyền thống Việt Nam và tiếp tục được duy trì cho đến tận ngày nay. Triết lý Phật giáo đã ăn sâu, bám rễ trong tâm hồn người Việt một cách rất tự nhiên như “nước hòa với sữa” (từ của HT. Thích Minh Châu). Chính những giá trị, chuẩn mực của đạo đức Phật giáo đã góp phần hình thành những chuẩn mực, những giá trị, nguyên tắc đạo đức cho thanh niên hiện nay. Vì trên thực tế, những chuẩn mực đạo đức mà Phật giáo đề ra không xa lạ với xã hội hiện đại mà thực sự rất cụ thể, hữu ích nhằm hoàn thiện đạo đức, nhân cách con người.

Đạo Phật nhấn mạnh hai chữ Từ và Bi, nó là biểu hiện của tình thương bao la không giới hạn, hoàn toàn vị tha không gợn chút vị kỷ đối với muôn loài. Phật giáo cho rằng: “mọi người đều như nhau, mọi người đều bình đẳng, phải yêu thương lẫn nhau. Hãy nhìn thế giới xung quanh bằng ánh mắt vị tha hơn, bao dung hơn. Với tâm từ bi, với lòng yêu thương con người, Phật giáo đã phá đi hàng rào ngăn cách vô nhân đạo giữa con người với con người” [45, tr.53]. Giá trị nhân đạo của Phật giáo thể hiện trước hết ở tinh thần bình đẳng, vị tha, coi con người dù ở địa vị nào cũng có giá trị như nhau.

Nói về đạo đức, Phật giáo đề cập đến Tứ Vô Lượng Tâm, Bát Chánh Đạo, Giới Định Tuệ với những bài thuyết giảng với mục đích hoàn thiện con

người trở thành mẫu mực, đạo đức, an lạc và hạnh phúc. Những giáo lý đó là nền giáo dục đặc thù của Phật giáo được Đức Phật truyền đạt cách đây đã trên 2.500 năm và đến nay vẫn còn nguyên giá trị và rất thiết thực. Đức Phật dạy: “Các người phải siêng năng tu tập các điều thiện mà được mạng sống lâu dài, nhan sắc thắm tươi, sống yên ổn, vui vẻ, của cải dồi dào, uy tín đầy đủ” [32, tr.305].

Quan niệm về từ bi, hỷ xả và tính hướng thiện của Phật giáo là một trong những nguồn gốc của chủ nghĩa nhân đạo; tư tưởng bình đẳng, hoà bình, đem tình yêu thương đến với mọi người, có tính chất sâu sắc trong giáo dục đạo đức. Quan niệm đó góp phần hoàn thiện nhân cách con người thông qua những việc làm ý nghĩa như cứu giúp người hoạn nạn, giữ vững tinh thần lá lành đùm lá rách của dân tộc, triết lý vô thường, vô ngã giúp con người giảm bớt cái tôi vị kỷ, giúp con người sống cuộc đời đạo đức, lành mạnh vì xã hội văn minh và phát triển.

Trên tầm quốc tế, nếu có nhiều quốc gia và người dân thực hành các pháp hoàn thiện như đức Phật đã thực hành thì chúng ta sẽ xây dựng được một cộng đồng chia sẻ, đùm bọc nhau trong tình thân ái. Vì thế, Hồ Chí Minh đã nhận xét: “Tôn chỉ mục đích của đạo Phật nhằm xây dựng cuộc đời thuần mỹ, chí thiện, bình đẳng, yên vui và no ấm” [53, tr.290].

Trong quá trình tu tập và bảo vệ sự sống của muôn loài, con người phải hiểu rõ về lòng từ bi. Trong *Kinh Từ Bi*, trang 25, Đức Phật dạy:

“Loài được thấy không thấy

Loài sống xa không xa

Các loài hiện đang sống

Các loài sẽ được sanh

Mong mọi loài chúng sanh

Sống hạnh phúc an lạc.
... Hãy tu tập từ tâm,
Trong tất cả thế giới,
Hãy tu tập tâm ý,
Không hạn lượng rộng lớn,
Phía trên và phía dưới,
Cũng vậy cả bề ngang,
Không hạn chế, trói buộc,
Không hận, không thù địch,
Như tấm lòng người mẹ,
Đối với con của mình,
Cũng vậy đối tất cả,
Các hữu tình chúng sanh,
Hãy tu tập tâm ý
Không hạn lượng rộng lớn”.

Đức Phật dạy từ bi là trạng thái tâm cao thượng, tất cả chúng ta dù đi, đứng, nằm, ngồi, đều phải an trú trong niệm từ bi để đem lại an lạc và hạnh phúc cho tự thân và cho tha nhân.

Trong Tứ Vô Lượng Tâm, tu tập tâm “từ” là để mở rộng lòng thương yêu đối với mọi chúng sinh, chế ngự được tâm sân hận. Tu tập tâm bi là để có thể làm vơi đi nỗi khổ niềm đau của mình và của người khác. Tu tập tâm hỷ là để vui cùng niềm vui của mình và của người. Tu tập tâm xả là để không có ý niệm phân biệt giữa mình và người.

- *Giáo dục nếp sống lành mạnh thông qua giữ gìn giới luật*

Trong Ngũ Giới, giới thứ nhất, *không sát sinh* là không sát hại sự sống, mục đích của giới này là không phải chỉ ngăn ngừa bản thân không giết hại

mà còn khuyên mọi người chớ có giết hại. Phật giáo cũng căn cứ vào tâm ý (động cơ của hành động) để phân biệt hành động thiện ác. Trong kinh Phật có câu: “Nhất niệm khởi, thiện ác dĩ phân”. Như vậy, ta hiểu giới sát đúng với tinh thần Phật giáo là: Nếu giết người vì mục đích diệt trừ quân giặc tàn bạo, hung ác, xâm lăng để bảo vệ đất nước thì việc đó là việc thiện. Trái lại, nếu giết người để thỏa mãn lòng tàn ác, mưu lợi cho bản thân thì đó là việc ác. Đạo Phật là đạo từ bi nhằm mục đích xóa tan mọi đau khổ, đem lại sự an vui. Giới không sát sinh là một quan niệm sống nhằm con người tránh xa những điều ác, làm điều thiện, yêu thương sự sống. Sẽ không có chiến tranh, không có sự tàn sát, không có chết chóc đau khổ nếu mỗi người hiểu đúng tinh thần và giữ được giới này.

Giới này khi đi vào cuộc sống gặp không ít khó khăn, dù vô tình hay hữu ý thật khó tránh khỏi giới sát. Chúng ta nên cố gắng giữ lấy điều cốt yếu của giới này: không được giết người, không giết hại sinh vật một cách vô lý. Nói rộng ra, không gây chiến tranh hủy diệt con người và môi trường sống, bảo vệ hòa bình và bảo vệ môi sinh... là những điều có ý nghĩa trong cuộc sống hiện đại của chúng ta ngày nay.

Ngày nay, vấn đề “cấm sát sinh” đã được nhận thức một cách sâu sắc hơn: cần phải bảo vệ sự sống của muôn loài trong đó có việc bảo vệ môi trường sống, bảo vệ các loài động vật quý hiếm nhằm cân bằng môi trường sống bảo vệ cuộc sống của chính con người.

Giới thứ hai, *không trộm cắp* được hiểu là “Bất đắc bất dự nhi thủ”, tức là vật gì không thuộc về mình, không có sự đồng ý của người khác thì không được lấy. Trong xã hội hiện nay, lòng tham được biểu hiện dưới nhiều dạng khác nhau và rất phức tạp, như Hòa thượng Thích Minh Châu đã chỉ ra: “Thuộc phạm vi giới này, không phải chỉ là hoạt động trộm cắp lộ liễu, mà

còn cả những hành vi buôn lậu, tham nhũng, lừa đảo, lật lọng trong buôn bán để kiếm những món lời bất chính, lạm dụng chiếm đoạt của công” [7, tr.24].

Một trong những yếu tố có tác hại nghiêm trọng đến nhân cách con người là lòng tham. Dưới mọi hình thức, tính tham luôn được coi là một hành vi tiêu cực, có tác hại đến đạo đức con người. Trong quan niệm của Phật giáo về “Tam độc” là “Tham, Sân, Si” thì “Tham” là độc tố đứng đầu. Ngăn ngừa lòng tham, đừng để nó tự do điều khiển hành vi của mình, đó là cơ sở lý luận mà Phật giáo xây dựng giới thứ hai. Mahatma Gandhi đã từng nói rằng: “Thế giới có đủ cho nhu cầu của mọi người, nhưng chẳng bao giờ là đủ cho lòng tham chỉ của một người” [17, tr.18].

Đưa ra điều răn này, Phật giáo muốn giáo dục chúng sinh sống lương thiện, tạo sự tin tưởng, yên vui cho mọi nhà và cho xã hội. Con người sống có đạo đức và trong sạch thì bao giờ cũng được thanh thản. Về mặt xã hội, nếu không có người gian tham, trộm cắp thì xã hội sẽ được yên bình, hạnh phúc.

Giới thứ ba, *không tà dâm* được hiểu theo nội hàm “Duy chế tà dâm”, tức phải ngăn ngừa, hạn chế dục vọng trong một giới hạn nhất định mà xã hội cho phép. Hành vi được gọi là “không tà dâm” trước hết phải thể hiện tính nhân sinh, phải đảm bảo về mặt pháp lý và phải đặt trong một quy phạm đạo đức xã hội nhất định. Không tà dâm cũng có nghĩa là chủ thể phải ý thức rõ về hạnh phúc gia đình, không vì hạnh phúc của mình mà làm tổn hại đến hạnh phúc của người khác, có tác động xấu đến đời sống tinh thần xã hội. Giới này, Phật giáo nhằm hướng con người tới một lối sống lành mạnh, tiến bộ, có tác dụng phát triển nhân cách con người một cách toàn diện.

Giới thứ tư, *không nói dối* được hiểu là không được “lưỡng thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ỷ ngữ”, nếu vi phạm vào bốn nguyên tắc này thì đều bị cho là có hành vi nói dối, hành vi kiêu ngạo, tự đề cao mình bằng cách mạo phạm,

trá hình nhằm mê hoặc mọi người là hành vi được xếp vào loại “đại vọng ngữ”, tức lời nói có tính sai phạm nghiêm trọng nhất. Giới này cũng nói thêm rằng, trong những trường hợp vì lòng từ bi, để giúp đỡ người khác những điều tốt lành mà buộc lòng phải nói dối thì không sai phạm. Giới không nói dối Phật khuyên sống trung thực và nói năng trung thực. Người trung thực sẽ được tôn trọng, được tin cậy, xã hội có nhiều người trung thực sẽ đoàn kết, thương yêu nhau hơn và sự nghiệp chung sẽ mau được thành tựu.

Giới thứ năm, *không uống rượu* là đòi hỏi con người phải luôn tỉnh táo. Sự sáng suốt của tâm trí là điều kiện hết sức quan trọng để tự định hướng và điều khiển hành vi của mỗi con người. Rượu hay bất cứ thứ gì làm người ta say, mất hết khả năng lý trí thì không được dùng đến. Vì rượu và các chất ma túy đều là những thức làm cho con người mê muội, khi lí trí mê muội sẽ dẫn đến những hành vi sai lầm. Những hành vi này, một mặt tác động tiêu cực đến xã hội, mặt khác nó làm băng hoại nhân cách đạo đức con người.

Sự phát triển nhân cách con người luôn đòi hỏi tính hoàn thiện về cả mọi mặt, trong đó việc phát triển về mặt tư duy nhận thức là một điều kiện hết sức quan trọng. Nó vừa là sản phẩm của hoạt động thực tiễn của con người, vừa là công cụ để con người định hướng hành vi của mình trong cuộc sống.

Phật chế ra Ngũ giới trước hết để hàng Phật tử tu luyện, giữ giới để chứng lấy đạo đem lại hạnh phúc cho mình và cho mọi người. Nghiên cứu Ngũ giới, ta thấy đây là những nguyên tắc đạo đức cơ bản mà Phật đặt ra cho các Phật tử thực hành. Đứng trên quan điểm triết học, việc khảo sát Ngũ giới cho ta thấy rằng: Vấn đề hoàn thiện nhân cách con người, phát huy nhân tố con người là vấn đề trung tâm của mọi thời đại. Ngũ giới giúp con người hoàn thiện trong tư tưởng và hành vi, nhằm phát triển, hoàn thiện nhân cách con người theo nhân sinh quan Phật giáo.

Năm giới của nhà Phật chưa hẳn đã loại trừ hết các thói xấu của con người. Song trước tiên, không vi phạm năm giới này là điều đáng quý. Điều này không chỉ có ý nghĩa nuôi dưỡng lòng tư bi, khơi dậy tinh thần nhân đạo trong mỗi con người mà có ý nghĩa về mặt xã hội.

Những vấn đề mà Ngũ giới đặt ra, một mặt nhằm ngăn ngừa mầm mống có nguy hại đến tư cách đạo đức con người, mặt khác có tác dụng kích thích những hành vi tốt phát triển. Về mặt lý luận cho thấy Ngũ giới đã đảm bảo được cả ba mặt Thể dục, Trí dục, Đức dục đối với việc hoàn thiện nhân cách con người.

Tóm lại, có thể nói Ngũ giới là những nét đặc thù của nền giáo dục Phật giáo, nó tương quan với Tứ Vô Lượng Tâm, Bát Chánh Đạo, Giới Định Tuệ và với các giáo lý khác của Phật giáo. Tu tập năm giới là con người đã tự hoàn thiện nhân cách, sống một cuộc đời đạo đức, an lạc và hạnh phúc thực sự. Giữ gìn Năm giới tốt đẹp, con người sẽ sống khỏe mạnh, sống thọ, thoải mái và tự tại, sống có nghị lực, có trí tuệ, sống thiện, sống an lành, hạnh phúc.

1.3.2. Xây dựng các mối quan hệ bình đẳng, khoan dung, tôn trọng lẫn nhau trong gia đình, xã hội.

Đức Phật Thích Ca là người đầu tiên trong lịch sử nhân loại đấu tranh cho tự do và công bằng xã hội, cho bình đẳng giữa các giai cấp và giữa con người với con người trong xã hội Ấn Độ cổ đại - một xã hội có sự phân biệt đẳng cấp khắc nghiệt qua lời tuyên bố: “Không có đẳng cấp trong dòng máu cùng đỏ, không có đẳng cấp trong giọt nước mắt cùng mặn, con người sinh ra không phải đã mang sẵn trong bào thai dây chuyền ở cổ hay dấu tin-ca (dấu hiệu quý phái của dòng Bà La Môn) trên trán” [14, tr.115].

Tư tưởng bình đẳng trong Phật giáo được đề cao. Ta có thể dễ dàng tìm thấy tư tưởng này trong bất kì Kinh luận nào của Phật giáo. Phật giáo cho

rằng mọi người đều như nhau, mọi người đều bình đẳng, phải yêu thương lẫn nhau. Hãy nhìn thế giới xung quanh bằng ánh mắt vị tha hơn, bao dung hơn. Với tâm từ bi, với lòng yêu thương con người, Phật giáo đã phá đi hàng rào ngăn cách vô nhân đạo giữa con người với con người.

Phật giáo không tách rời lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội mà nhấn mạnh đồng thời, lợi ích cá nhân và xã hội phải đi cùng để tạo ra một sự hạnh phúc cho nhân loại. Triết lý này của Phật giáo có thể bắt gặp trong năm giới, chuẩn mực nền tảng đạo đức của Phật giáo. Con người nên tuân giữ năm giới để làm cho cuộc sống không bị tổn hại, không vi phạm pháp luật quốc gia, vì lợi ích cá nhân và lợi ích cho cả xã hội. Chúng cần thiết để hình thành xã hội dân chủ, cuộc sống an lành.

Trên cơ sở “Tứ diệu đế”, thuyết “nhân duyên sinh”, thuyết “vô thường”, “vô ngã”... Đạo Phật đã xây dựng được một triết lý sống, một phương thức sống, đó là lấy “vị tha” làm lẽ sống cao cả và lý tưởng của mình, hay có thể nói chính “vị tha” là chìa khóa trong việc điều chỉnh các mối quan hệ trong gia đình, xã hội.

Theo thuyết “nhân duyên sinh”, vạn vật trong thế gian này trong đó có cả con người đều do các nhân duyên tác động hòa hợp với nhau mà thành thì gọi là sinh, khi nhân duyên rã rời mà biến đi thì gọi là diệt. Nhân duyên tạm thời hòa hợp thì gọi là sinh, nhân duyên li tán thì gọi là diệt, rồi nhân duyên này lại hòa hợp với các duyên khác để hình thành sự vật khác.

Thuyết vô thường, vô ngã chính là cơ sở lý luận cho phương thức sống, triết lý sống của những người tu dưỡng theo giáo lý nhà Phật, sở dĩ con người ta đau khổ là vì nhận thức sai lầm về sự vật trong thế giới, cho rằng sự vật là thường còn, thường trụ... cho nên nảy sinh ý muốn kéo dài sự sống để hưởng thụ, thỏa mãn cái dục vọng, tha thiết yêu quý sinh mạng, tài sản, sự nghiệp...

và cho đó là vui sướng. Khi những cái đó trở nên tiêu tan thì khiến lòng trở nên bi thảm, đau khổ và tiếc nuối. Hoặc có những hiểu biết về vô thường một cách nông cạn nên cho rằng “chết là hết” vì vậy cuộc đời chẳng còn có ý nghĩa gì nữa, từ đó tạo nên suy nghĩ và hành động mau tận hưởng mọi thú vui cuộc đời, sống gấp, không sống xa hoa, trụy lạc, sống chìm sâu trong biển “ngũ dục” tạo mãi luân hồi nghiệp báo.

Với thuyết vô thường, vô ngã, Phật giáo muốn đem lại cho các tín đồ của mình một triết lí sống vị tha, nhân bản. Khi đã thấu suốt được chân lý này, con người sẽ vươn lên khỏi cuộc sống vị kỉ mà sống theo tinh thần “Từ bi, hỷ, xả, vô ngã, vị tha”, có tinh thần nhân ái, yêu thương mọi người, thông cảm sâu sắc với những nỗi đau khổ của người khác như nỗi đau khổ của chính mình, tìm cách giảm nhẹ nỗi đau khổ cho họ, thành thực chia sẻ niềm vui với người khác như chính là niềm vui của mình, làm tất cả mọi việc có ích cho mọi người mà trong tâm không một chút đắn đo tính toán, không mong được báo đáp, không vì lợi, không cầu danh.

“Chính mệnh” trong *Bát chính đạo* của Phật giáo còn có nghĩa là biết làm chủ cuộc sống, không lãng phí, không bủn xỉn, biết làm phúc. Biết chăm lo cuộc sống của người thân, quyến thuộc, biết tích lũy cho đời nay và chuẩn bị cho đời sau. Đức Phật dạy rằng các cư sĩ sống bình thường ở gia đình có 4 điều lạc thú: Một là được hưởng cảm giác an toàn do có của cải và cơ sở kinh tế có được bằng phương pháp chính đáng; Hai là có thể khẳng khái sử dụng của cải ấy cho mình, cho người nhà và cho bạn hữu, đồng thời dùng nó để làm nhiều việc từ thiện; Ba là không bị khổ sở vì nợ nần; Bốn là có thể sống cuộc đời thanh tịnh, không lỗi lầm.

Đạo Phật đã chỉ dẫn cho con người cần đào luyện một số đức tính của một tình thương chân chính với những tình cảm trong sáng tốt đẹp và đầy tình

người: không thể giẫm đạp lên hạnh phúc của người khác để xây dựng hạnh phúc cho riêng mình, phải sống một cách chân chính, bằng chính sức lực và mồ hôi của mình, và, cuộc sống đầy rẫy đau khổ, không nên gây thêm đau khổ cho người khác mà phải đến với mọi người với hạnh “bồ thí”, với tình thương yêu, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau vượt qua những khó khăn đầy rẫy trong cuộc sống.

1.3.3. Giáo dục đạo đức môi trường

Giáo dục môi trường là nhằm giúp con người hiểu rõ được môi trường, tham gia cải thiện môi trường. Môi trường tốt thì con người khỏe mạnh, phát triển tốt, môi trường xấu thì con người bị đối mặt với bệnh tật, thiên tai... Giáo dục môi trường là giáo dục ý thức thức tỉnh con người phải có trách nhiệm tự bảo vệ môi trường, bảo vệ môi trường tức là bảo vệ chính mình.

Môi trường là nơi cho mọi loài sinh sống và tồn tại, trong bối cảnh xã hội ngày càng phát triển như hiện nay, dưới sự tác động của rất nhiều khí thải công nghiệp, nạn chặt phá rừng... môi trường đã bị biến đổi, bị tổn hại rất nghiêm trọng. Vì thế, giáo dục Phật giáo cũng hướng con người đến việc bảo vệ môi trường làm cho cuộc sống muôn loài được bình yên.

Đức Phật khuyên con người nên thực hành giáo lý *Từ vô lượng tâm* (từ, bi, hỷ, xả) vào trong đời sống hàng ngày. Tu tập lòng từ để đối trị lòng sân, tu tập lòng từ bi để không hại người hại vật, tu tập lòng hỷ để trừ diệt lòng ganh ghét và tu tập hạnh xả để đoạn diệt hận thù. Từ và bi là tâm thương yêu tất cả chúng sinh muôn loài như loài thủy tộc, chim bay, thú chạy, côn trùng, cỏ cây, rừng núi, sông ngòi, biển... Hỷ và xả là tâm vui vẻ và vô chấp. Cái tâm bình đẳng, đồng nhất, hài hòa với thiên nhiên. Từ, bi, hỷ, xả là nguồn năng lượng vô biên, nó giúp con người có thể xây dựng được môi trường tốt đẹp, an bình và hạnh phúc giữa người với người, giữa người với thiên nhiên.

Chính từ, bi, hỷ xả là bốn sức mạnh kết nối sự yêu thương, sự thông cảm giữa người với thiên nhiên, hướng đến xây dựng một môi trường tốt đẹp cho hành tinh. Môi trường như mạch máu, lá phổi của cuộc sống nhân loại. Môi trường bị ô nhiễm, chắc chắn nhân loại sẽ bị ảnh hưởng. Thái độ sống của người con Phật, là người được đào tạo trong môi trường giáo dục Phật giáo phải xem thiên nhiên là nguồn sống bất tận trong tiến trình nuôi dưỡng thân tâm và cái đích cuối cùng là hướng tâm giải thoát.

Đến với Đức Phật là không bao giờ hủy hoại môi trường tự nhiên, phải hòa vào môi trường tự nhiên để thành đạo, thuyết pháp, độ sanh và nhập Niết bàn. Đức Phật dạy Phật tử là phải dựa vào môi trường thiên nhiên để tu học và cần cầu giải thoát, chứ không phải dựa vào đó để chúng ta phá hủy. Chúng ta đến với môi trường thiên nhiên như con ong đến với hoa, chỉ hút nhụy rồi đi chứ không làm tổn thương hương sắc của hoa. Kinh Pháp cú kệ số 49 ghi:

“Nhu ong đến với hoa
Không hại sắc và hương
Che chở hoa, lấy nhụy
Bậc Thánh đi vào làng”.

Môi trường tốt là môi trường trong đó đất, nước, không khí không bị ô nhiễm, muôn thú tồn tại, trăm hoa đua nở, có cây rừng núi xanh tươi, tăng chúng và Phật tử tu học nghiêm túc để đem lại niềm an lạc hạnh phúc cho mình, cho xã hội. Một môi trường tốt là trong đó mình làm chủ được nội tâm của mình, tức làm chủ được tham sân si. Khi tâm chúng ta thanh tịnh chúng ta mới có thể góp phần làm môi trường tốt đẹp.

Với tinh thần Từ bi, đạo Phật đem lại cho con người tình thương yêu muôn loài, không được hủy diệt cuộc sống thì quyền sống của thú vật và cây cỏ cũng được tôn trọng như con người.

Trong thuyết “Thập Nhị Nhân Duyên”, yếu tố Danh sắc có nghĩa là thân thể. Thân thể có hai phần: tâm thuộc tinh thần và sắc thuộc vật chất cho nên con người luôn luôn có quan hệ mật thiết với môi trường xung quanh. Do đó hành vi của con người có tác động lớn tới môi trường. Như vậy, con người và môi trường tự nhiên cùng tạo nên một hệ sinh thái, con người không thể hiện hữu và tồn tại nếu không có môi sinh. Nếu thiên nhiên bị ô nhiễm trầm trọng thì đời sống của con người không sớm thì muộn cũng bị huỷ diệt.

Trong “Chính Mạng” thuộc *Bát Chính Đạo*, nghĩa là phải kiếm sống một cách lương thiện, đúng đắn, không làm tổn hại cho mình, cho người và muôn loài, nghĩa là sẽ không tàn phá rừng và săn giết muôn thú bừa bãi, đây là việc làm thiết thực, âm thầm và lâu dài trong việc bảo vệ môi trường sống của con người một cách hoàn hảo nhất.

Khi nói đến giáo dục đạo đức môi trường, trong *Hãy đến để thấy – Phật giáo con đường đưa đến hạnh phúc* của Ni sư Ayya Khema, có đoạn viết: Phật có dạy rằng “Nguyện cho mọi người và mọi loài được sống trong an toàn và hạnh phúc, tâm tư hiền hậu và thanh thoi. Nguyện cho tất cả loài sinh vật trên trái đất đều được sống an lành, những loài yếu, những loài mạnh, những loài cao, những loài thấp, những loài lớn, những loài nhỏ, những loài ta có thể nhìn thấy, những loài ta không thể nhìn thấy, những loài ở gần, những loài ở xa, những loài đã sinh và những loài sắp sinh. Nguyện cho đừng loài nào sát hại loài nào, đừng ai coi nhẹ tính mạng của ai, đừng ai vì giận hờn hoặc ác tâm mà mong cho ai bị đau khổ và khốn đốn”.

Đạo Phật tán dương một nếp sống hài hòa với thiên nhiên hài hòa với loài người, tán thán lòng từ bi, khích lệ thương người thương vật, đề cao hạnh thiếu dục, tri túc, sống đời sống lành mạnh và giản dị, với mục đích xây dựng

một môi trường sống xanh và sạch. Đây là cơ sở để thiết lập nền hòa bình cho nhân loại.

Từ quan điểm sống hài hòa với thiên nhiên mà đức Phật đã thực thi, chúng ta cần rút ra những bài học, biện pháp xây dựng một môi trường sống hạnh phúc thật sự. Như đã nói, sự bảo vệ môi sinh, suy cho cùng là sự thiết lập của một tâm thức thanh tịnh. Một tâm không tham, không sân, không si sẽ giúp con người tự chủ, thoát ly mọi sự chi phối của các dục. Do đó, quan điểm giáo dục của Phật giáo về thái độ sống bảo vệ môi sinh trong điều kiện hiện nay là:

- Giáo dục con người nhận thức rõ con người có mối liên hệ mật thiết với thiên nhiên và môi trường sống. Học thuyết *Duyên khởi* của Phật giáo chỉ ra rằng không ai có thể sống một mình mà không có sự liên hệ với một cá nhân, cộng đồng, xã hội, với môi trường sống. Con người là tập hợp Ngũ uẩn và có một mối liên chặt chẽ với thiên nhiên, vì thế hãy tự nguyện sống hòa mình vào thiên nhiên, trên hết là tự nguyện bảo vệ môi sinh là bảo vệ nền hòa bình cho nhân loại.

- Dựa vào thành tựu khoa học để giải thích sự ô nhiễm môi sinh là do thiếu ý thức bảo vệ môi sinh, khai thác tài nguyên thiên nhiên để chạy theo lợi nhuận kinh tế thị trường.

- Giáo dục mọi người thực hành nếp sống trên nền tảng đạo đức Phật giáo là hướng thiện, tôn trọng sự sống, thực thi hạnh từ bi hỷ xả. Vì thế, mọi người hãy sống gần thiên nhiên, yêu thiên nhiên là yêu sự sống của chính mình và của cộng đồng.

- Nhận thức mọi ham muốn của bất cứ ai về sự mong cầu hưởng lợi lộc từ việc khai thác các nguồn năng lượng dự trữ của thiên nhiên vô ý thức để

trục lợi làm giàu thì sẽ bị thiên nhiên trừng phạt vì đã phá vỡ sự mất cân bằng về sinh thái, gây ra khổ đau cho con người.

- Có biện pháp cụ thể, thiết thực không chỉ dựa trên văn bản của luật bảo vệ môi sinh, hay trông chờ vào thành tựu của ngành khoa học của môi sinh mà trên hết vẫn là thực hành nếp sống yêu thiên, hài hòa với thiên nhiên, tôn kính thiên nhiên để tự nguyện bảo vệ hành tinh quý giá này.

1.3.4. Giáo dục lối sống lành mạnh, tích cực, hướng đến hạnh phúc, an lạc

Giáo dục Phật giáo với rất nhiều giáo lý khuyên răn con người, xây dựng cho con người một lối sống lành mạnh. Phật giáo khuyên con người sống ở đời phải nhớ “Tứ ân” là bốn ơn lớn: ơn cha mẹ, ơn thầy bạn, ơn quốc gia, ơn Tam bảo. Công lao sinh thành, nuôi nấng, dạy bảo của cha mẹ cả đời mỗi người cũng không thể đền đáp hết. Giáo dục Phật giáo hướng: con người phải hiếu hạnh, luôn biết cung kính cha mẹ, vâng lời và hết lòng phụng dưỡng cha mẹ. Ơn thầy bạn, vì đó là những người đem đến cho ta những tri thức để ta trưởng thành, khôn lớn, có đạo đức, chúng ta phải siêng năng học hành, lễ phép, chân thành, kính thầy mến bạn. Ơn Tổ quốc, vì nhờ đó ta có được cuộc sống bình an. Ơn Tam bảo, là ơn đức Phật đã xây dựng nên một học thuyết đạo đức với những điều Giới luật khuyên răn con người sống vì lòng từ bi, bình đẳng, luôn tu dưỡng rèn luyện đạo đức và hoàn thiện nhân cách. Có nhận định viết rằng: “Làm người ở đời, được sống thành đạt chút gì là nhờ công ơn của ông, bà, cha, mẹ sinh thành, của mọi người, bạn bè thầy cô, của xã hội... Nên những ai muốn thành tựu nhân cách, muốn nhận rõ ý nghĩa của đời sống tương quan không thể không biết đến bốn ân và những phương pháp đền đáp” [28, tr.197].

Là một trong những thành tố tạo nên nền văn hoá dân tộc trong suốt hàng nghìn năm, Phật giáo ngày nay vẫn lưu giữ những giá trị tích cực có thể góp phần xây dựng đạo đức lối sống cho con người Việt Nam. Tính hướng thiện của Phật giáo là một trong những nguồn gốc của chủ nghĩa nhân đạo; lòng từ bi, bác ái góp phần cứu giúp người hoạn nạn, giữ vững tinh thần lá lành đùm lá rách của dân tộc, triết lý vô thường, vô ngã giúp con người giảm bớt cái tôi vị kỷ.

Giáo lý nhà Phật khuyên con người luôn nhớ đến “đạo hiếu”, lấy chữ hiếu làm đầu: “hạnh hiếu là hạnh Phật, tâm hiếu là tâm Phật”, “muôn việc ở thế gian không gì hơn công ơn nuôi dưỡng của cha mẹ”... Đó là những giá trị tích cực, thiết thực góp phần giáo huấn con người, giúp cho thế hệ trẻ vững bước trước những cám dỗ của cuộc đời, khích lệ họ quan tâm đến số phận của cộng đồng, sống lương thiện, coi trọng tính nhân bản.

Có thể nói, quan niệm về từ bi hỉ xả và làm việc thiện là một trong những quan niệm giá trị nhất của Phật giáo. Nó không chỉ giúp con người sống cuộc đời đạo đức, lành mạnh mà còn giúp ngăn ngừa và vượt qua các tệ nạn xã hội, đồng thời nó kích thích con người yêu thương lẫn nhau và làm nhiều việc thiện. Nếu có nhiều quốc gia và người dân thực hành các pháp hoàn thiện như đức Phật đã thực hành thì chúng ta sẽ xây dựng được một cộng đồng chia sẻ, đùm bọc nhau trong tình thân ái. Vì thế, Hồ Chí Minh đã nhận xét: “Tôn chỉ mục đích của đạo Phật nhằm xây dựng cuộc đời thuần mỹ, chí thiện, bình đẳng, yên vui và no ấm” [53, tr.290].

Hệ thống Giới luật chặt chẽ, phong phú với nội dung được thể hiện chủ yếu trong Ngũ giới. Giới luật Phật giáo vừa chỉ ra con đường tu tập để thoát khỏi mọi khổ đau trên thế gian này, vừa chỉ ra những lời khuyên răn, khuôn khổ của hành động, phạm vi đạo đức và con đường tu dưỡng rèn luyện đạo

đức của mỗi người. Bằng tinh thần tự giác tự nguyện giữ gìn Giới luật, con người sẽ có được lối sống lành mạnh. Phật giáo khuyên con người giữ ngũ giới, nếu bất cứ ai thực hành các chỉ dẫn này sẽ gặt hái được ích lợi.

Trong Ngũ Giới, Giới không sát sinh với ý nghĩa giáo dục con người không sát hại loài vật, không tự mình giết, không bảo người giết, không chấp nhận, không tán thành người giết trong tâm thức hay trong cách sống, có ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền sống và sự sống của muôn loài trong đó có con người, con vật, thực vật... Tôn trọng và bảo vệ đời sống của mọi loài là động lực hữu ích nhất và thiết thực nhất để tôn trọng và bảo vệ đời sống của chính bản thân mình.

Giữ giới không sát sinh có nghĩa là phải biết quý trọng, bảo vệ, làm phong phú và nâng cao giá trị sự sống của muôn loài trong mọi hình thức, là phải xây dựng cho mình một nếp sống đạo đức, một nếp sống từ, bi, hỷ, xả từ trong thâm tâm thì con người mới thực sự xây dựng một gia đình hạnh phúc, xã hội an bình và thịnh vượng.

Giữ giới không trộm cắp là không tàng trữ những của cải phi pháp, không buôn lậu, không tham nhũng, không khai thác tài nguyên thiên nhiên bừa bãi. Để giữ giới này con người phải sống trung thực, sống lương thiện, sống vị tha, sống đạo đức, sống ly tham ly sân ly si, sống biết đủ với của cải của mình tạo ra, không xâm phạm tài sản của người. Giữ giới không trộm cắp là đã góp phần bảo vệ tài sản của quốc gia, bảo vệ môi trường và hệ sinh thái, bảo vệ hòa bình, yên ổn an vui cho gia đình và xã hội.

Giữ được giới không tà dâm cuộc sống sẽ luôn bình thản, không sợ tình cảm gia đình sút mẻ, không sợ tình địch tấn công, không sợ xã hội chê bai, thăng tiến trên đường đời, đường đạo. Dù là Phật tử hay không phải Phật tử,

nếu giữ được giới này thì bản thân luôn được an lành, gia đình an lạc, đoàn kết, hòa hợp, không bị tan vỡ.

Không nói dối sẽ giữ được niềm tin ở tất cả mọi nơi, nó đem lại hòa bình, hòa hợp, đoàn kết cho mọi người. Rộng hơn, giới này còn muốn răn dạy nói đúng lúc, đúng chỗ, đúng người, đúng căn cơ trình độ của mỗi người.

Giới không uống rượu là bởi các thứ ấy dễ khiến cho con người ta mất minh mẫn, hành động và lời nói thường dẫn đến những điều sai trái, không kiểm soát được. Trong *Trường Bộ I*, Đức Phật có nói: “Này gia chủ tử, đam mê các loại rượu có sáu nguy hiểm: tài sản bị tổn thất đấu tranh tăng trưởng, bệnh tật dễ xâm nhập, thương tổn danh dự, để lộ âm tàng và thứ sáu là trí lực tổn hại. Này gia chủ tử, đam mê các loại rượu có sáu loại nguy hiểm như vậy” [44, tr.532-533]. Việc giữ gìn giới không uống rượu và các chất kích thích khác là để bảo vệ an ninh trật tự và hạnh phúc cho cá nhân, gia đình, và xã hội.

Đạo Phật còn chỉ ra phương pháp, con đường để đạt tới hạnh phúc. Thuở xa xưa Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã rời bỏ hoàng cung, từ chối giàu sang và quyền lực vào ở ẩn trong núi Tuyết Sơn để tu tập thiền định. Qua thực tế tu hành, Tất Đạt Đa hiểu ra rằng từ cuộc sống giàu sang tràn đầy vật chất, thỏa mãn dục vọng lẫn cuộc sống khổ hạnh ép xác đều đi chệch khỏi con đường đúng đắn. Cuộc sống thứ nhất là cuộc sống tầm thường vô tích sự, cuộc sống thứ hai cũng tầm tối, không xứng đáng và vô nghĩa như cuộc sống thứ nhất. Con đường đúng đắn là phải “trung đạo”, con đường tự mình đào sâu suy nghĩ để nhận thức chân lý, con đường dẫn tới yên tĩnh và sự bừng sáng của tâm hồn trí tuệ. Sau đó, Tất Đạt Đa từ bỏ tu khổ hạnh, tu tập theo con đường trung đạo. Sau 49 ngày thiền định dưới gốc cây Bồ đề, cuối cùng Ngài đã giác ngộ được chân lý, thấu hiểu được bản chất của tồn tại, nguồn gốc của đau khổ

và con đường giải thoát cho chúng sinh. Đó là con đường đạt được cuộc sống hạnh phúc.

Hạnh phúc theo quan niệm của Phật giáo là con người phải biết quay về với đời sống tinh thần tu tập, diệt trừ mọi phiền não để tâm hồn thanh tịnh, an lạc ngay trong kiếp sống hiện tại, là con người biết quay về với đời sống tâm linh cao cả, đó là phần tinh túy nhất của con người, được sống quay về với chính mình và hiện tại. Hạnh phúc mà Phật muốn dạy con người chính là đạt đến cảnh giới Niết bàn tại tâm. Có thể nói, đến với giáo dục Phật giáo là đến với con đường và phương pháp đạt được cuộc sống hạnh phúc trong đời này và đời sau.

1.4. Giáo dục Phật giáo ở Việt Nam hiện nay

Ngay từ khi mới du nhập vào Việt Nam, Phật giáo đã được quần chúng nhân dân đón nhận một cách nồng nhiệt bởi tư tưởng của Phật giáo rất gần gũi với văn hoá, tín ngưỡng của dân tộc Việt Nam. Cùng với chiều dài lịch sử dân tộc, những giá trị đạo đức Phật giáo như: tinh thần đại từ, đại bi, cứu khổ, cứu nạn, rất gần gũi với tâm tư, tình cảm của người dân Việt Nam. Tư tưởng “từ bi, bác ái, cứu khổ, cứu nạn” của nhà Phật đã hòa quyện với tư tưởng yêu nước, nhân nghĩa của Việt Nam.

Trong suốt quá trình tồn tại, đạo Phật đã không ngừng truyền bá các giáo lý và tư tưởng đạo đức của mình. Sự truyền bá đó không chỉ có ảnh hưởng đến các Phật tử, mà còn có ảnh hưởng rộng rãi đến quần chúng nhân dân. Cùng với việc truyền đạt các tư tưởng đạo đức, các giáo lý, Phật giáo còn tích cực đào tạo cho mình một đội ngũ trí thức. Chính đội ngũ trí thức tôn giáo này sẽ làm nòng cốt trong việc bảo tồn và phát triển đạo Phật, đồng thời làm phong phú thêm hệ thống tri thức đạo đức Phật giáo ở Việt Nam thông qua việc dịch kinh sách nhà Phật, học tập và truyền đạt những tri

thức đạo đức Phật giáo mới tạo điều kiện, cơ sở cho việc hình thành những quan niệm sống tích cực, nhân bản.

Điều kiện kinh tế thị trường, với khuynh hướng “làm giàu bằng bất cứ giá nào, kể cả lừa đảo, gây tội ác, vi phạm pháp luật, sẵn sàng chà đạp lên lương tâm và nhân phẩm”, đã làm phát sinh lối sống thực dụng, chạy theo lợi ích vật chất mà quên đi giá trị tinh thần, chạy theo tiền tài và danh vọng mà quên đi việc hoàn thiện nhân cách. Khuynh hướng đó đã làm băng hoại các truyền thống đạo đức tốt đẹp của nhân dân ta. Để giải quyết tận gốc các hiện tượng tiêu cực trên đây, phải là kết quả của một quá trình cải tạo và xây dựng xã hội chủ nghĩa lâu dài ở nước ta. Đảng và Nhà nước kịp thời đưa ra các định hướng về giá trị đạo đức xã hội, đẩy mạnh việc tuyên truyền giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh thiếu niên. Việc kế thừa, cải tạo, tiếp biến những điểm “trung đồng, hợp lý, tích cực” [71, tr.99] trong đạo đức Phật giáo và áp dụng nó một cách linh hoạt, mềm dẻo nhằm lành mạnh hoá các quan hệ xã hội là rất cần thiết. GS. Đặng Nghiêm Vạn đã đưa ra những yêu cầu về thái độ ứng xử với những vấn đề nói trên như sau: “Các hoạt động thuần túy tôn giáo phải được tôn trọng, những hoạt động mang tính thế tục như hoạt động xã hội, giáo dục, y tế, từ thiện xã hội cần được khuyến khích và nên được tổ chức theo sự hướng dẫn của các ngành liên quan, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc” [61, tr.334].

Kể từ ngày thống nhất Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, nền giáo dục Phật giáo đã và đang trên đà phát triển cùng với xu hướng hội nhập của đất nước. Với mong muốn phát triển được sự nghiệp giáo dục đưa Phật giáo xứng tầm với vị thế của mình, đó là niềm mong mỏi của nhiều Tăng Ni Phật tử.

Cùng với sự phát triển của đất nước, Phật giáo Việt Nam cũng có những bước phát triển khá toàn diện trên mọi lĩnh vực, trong đó Hệ thống giáo dục Phật giáo phát triển phải kể đến như: “tới nay sau 25 năm đổi mới, Phật giáo

Việt Nam đã có 3 Học viện Phật giáo Bắc tông (ở Hà Nội, Huế, Tp Hồ Chí Minh), 1 Học viện Phật giáo Nam tông Khơ me ở Cần Thơ; 8 lớp Cao đẳng Phật học và 30 trường trung cấp Phật học (phía Bắc 8 trường, từ Thừa Thiên – Huế trở vào có 22 trường) để đáp ứng nhu cầu đào tạo tăng ni sinh trẻ kế thừa, 100 lớp Phật học cơ bản. Hàng năm có trên 5.000 tăng ni theo học các cấp và có trên 500 vị đang theo học chương trình sau đại học ở nước ngoài” [23]. Hệ thống giáo dục các cấp, đặc biệt hệ Cao đẳng và Đại học đang từng bước được hoàn thiện, chương trình giáo dục, nội dung giáo dục cũng đi vào giai đoạn hoàn chỉnh, số lượng tăng học, tu sĩ tham gia ngày càng đông đảo. Có thể khẳng định rằng, giống như tinh thần của Phật giáo, giáo dục Phật giáo hiện nay đã có một vị trí, vai trò rất lớn trong nền giáo dục nước nhà. Tuy nhiên hệ thống giáo dục Phật giáo Việt Nam trên nhiều phương diện vẫn còn tụt hậu so với tốc độ phát triển của xã hội.

Phật giáo vẫn còn quan niệm người làm chức năng giáo dục Phật giáo phải là những tu sĩ. Một số nhà nghiên cứu cho rằng, đây là quan niệm hẹp hòi và sẽ hạn chế hiệu quả của quá trình giảng dạy, phát triển giáo dục Phật giáo, bởi, những người tại gia hay xuất gia, một khi đã tin tưởng, thực hành và trải nghiệm thật rõ những giá trị chân lý, triết lý đạo đức của Phật giáo, đều có thể trở thành những con người truyền đạt giáo lý Phật giáo, lấy thân giáo làm nền tảng. Rộng ra, những con người ấy cũng không nên quá đặt nặng vấn đề học hàm, học vị, hình thức thể hiện, một khi đã chọn “thân giáo” (nêu gương) là yêu cầu hàng đầu đối với người làm chức năng giáo dục. Đó là suy nghĩ sai lầm và có hại cho sự nghiệp giáo dục Phật giáo nói riêng và tôn giáo nói chung.

Hiện nay Phật giáo Việt Nam đã có rất nhiều tiên sĩ, thạc sĩ đào tạo trong nước và ngoài nước, phần lớn tham gia giảng dạy tại các Học viện Phật giáo

và các lớp Cao đẳng. Giáo hội Phật giáo cần tổ chức nghiên cứu, hội thảo đánh giá điểm mạnh, điểm yếu cụ thể của đội ngũ này để có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, phương pháp sư phạm cho họ, đồng thời cần xác định rõ số lượng tiến sĩ, thạc sĩ bao nhiêu là đủ, chứ không thể tiến sĩ hoá, cao học hoá các tu sĩ giảng dạy tại các Học viện Phật giáo và các lớp Cao đẳng Phật giáo. Giáo hội cũng nên có kế hoạch đào tạo những nhà giáo dục chuyên sâu và có chế độ chính sách để họ an tâm giảng dạy, tránh kiêm nhiệm nhiều việc. Có vậy, trong thời gian tới Phật giáo Việt Nam mới có đủ đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên sâu đảm nhiệm được việc hướng dẫn đào tạo cao học và tiến sĩ. Ví dụ, từ năm 1986, nhất là từ năm 1990 trở lại đây, Phật giáo ở Hà Nội dấy lên phong trào tu học. Các tăng ni sinh được gửi vào học ở miền Nam. Trường Cao cấp Phật học (nay là Học Viện Phật giáo) của Giáo hội Phật giáo được mở tại chùa Quán Sứ (khu này đã được xây dựng mới thuộc xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn) góp phần trí thức hóa các tăng ni. Một số tăng ni ở Hà Nội đã và đang được đào tạo, giao lưu ở nước ngoài. Đến nay, về trình độ Phật học, toàn Thành phố có 05 Tăng Ni có trình độ Tiến sĩ, 33 Tăng Ni có trình độ Thạc sĩ, 417 Tăng Ni có trình độ Cử nhân, 49 Tăng Ni có trình độ Cao đẳng, 554 Tăng Ni có trình độ Trung cấp. Về các chuyên ngành xã hội, có 04 Tăng Ni có trình độ Tiến sĩ, 18 Tăng Ni có trình độ Thạc sĩ, 88 Tăng Ni có trình độ Cử nhân [64].

Giáo dục Phật giáo góp phần làm phong phú thêm tâm hồn, đạo đức, hành vi cư xử của người Việt. Với tinh thần “Từ bi - hỷ xả - vô ngã - vị tha”, năng động hóa bởi đạo lý “Bát chính đạo”, có ý nghĩa giáo dục rất to lớn với dân tộc, có vai trò to lớn trong đời sống tình cảm, tâm linh của người Việt Nam, người dân của đất nước đã trải qua nhiều đau thương và đang còn nhiều khó khăn trong đời sống xã hội.

Mục đích của Phật giáo không phải chỉ đem lại cho người Phật tử cảm giác yên ổn nơi hiện thế mà xa hơn là đem lại sự an lạc miên viễn. Sự an lạc của tâm hồn chan hòa với một xã hội phồn vinh, thực hiện phương châm tốt đời, đẹp đạo. Sự an lạc đó chỉ có thể đạt được bằng chính sự tu tập của người Phật tử thường bắt đầu bằng sự học hỏi. Hệ thống giáo dục Phật giáo hiện đại phải hiện thực hóa mục đích này bằng con đường xã hội hóa, tức là đưa đạo Phật vào đời, thực hiện thông điệp cứu khổ của đức Phật đến với từng cá nhân, từng nhóm người, từng tập thể, tiến đến việc phổ biến cho quảng đại quần chúng.

Giáo dục Phật giáo có một vai trò rất lớn trong việc phát triển đời sống văn hóa tinh thần và tâm linh của con người, góp phần giảm thiểu các hủ tục trong đời sống xã hội của nhân dân thông qua các hoạt động của các chùa do các vị sư trụ trì quản lý và hoạt động, góp phần giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ Tổ quốc.

Phật giáo đã đi vào tâm thức của hầu hết người dân Việt Nam, điển hình phải kể đến là việc đi chùa lễ ngày rằm, mùng một của rất đông bộ phận dân cư, hay các ngày lễ lớn của Phật giáo, mọi người về chùa tham dự rất đông và lấy chùa làm nơi tu tập tìm chốn bình yên nơi tâm hồn. Ở chốn thiền môn họ không còn bị ảnh hưởng bởi những thói hư tật xấu, những trò lố làm đạo đức con người suy đồi. Họ sẽ được dạy những điều cơ bản nhất để hoàn thiện một con người có ích cho xã hội, gạt bỏ đi những tham sân si đang ngự trị trong tâm trí họ. Có thể nói, Phật giáo nói chung hay giáo dục Phật giáo nói riêng đã đứng ở vị trí khá cao trong đời sống tinh thần của người Việt.

Tiểu kết chương 1

Qua việc phân tích các nội dung cơ bản của giáo dục Phật giáo, bao gồm: khái niệm, lịch sử, mục tiêu, phương pháp, nội dung cơ bản và hiện trạng giáo dục Phật giáo ở Việt Nam, có thể thấy rằng, giáo dục Phật giáo có rất nhiều giá trị thiết thực, có ảnh hưởng và tác động tích cực nhất định trong việc xây dựng phát triển những giá trị đạo đức của con người, đặc biệt cho thế hệ trẻ. Chính vì thế, nó mang những ý nghĩa to lớn góp phần làm phong phú hơn công tác giáo dục đạo đức thanh niên Việt Nam hiện nay. Bên cạnh vai trò của Đoàn thanh niên, của các tổ chức xã hội trong giáo dục đạo đức thanh niên sẽ có thêm vai trò của Phật giáo, đặc biệt vai trò của Giáo hội Phật giáo Việt Nam từ Trung ương cho đến địa phương và các chức sắc Phật giáo, các sư trụ trì tại các chùa trên khắp cả nước.